



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

# **CÔNG BÁO**

*Thành phố Hồ Chí Minh*

Số 70 + 71

Ngày 01 tháng 10 năm 2019

## **MỤC LỤC**

Trang

### **PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT**

#### **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ**

- |            |  |    |
|------------|--|----|
| 13-7-2019- | Nghị quyết số 04/2019/NQ-HĐND ban hành quy định về nội dung chi và mức chi cho công tác quản lý nhà nước về thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.                          | 4  |
| 13-7-2019- | Nghị quyết số 05/2019/NQ-HĐND quy định nội dung và mức chi thực hiện hoạt động giám sát, phản biện xã hội của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. | 9  |
| 13-7-2019- | Nghị quyết số 06/2019/NQ-HĐND quy định về nội dung và mức chi từ ngân sách nhà nước để thực hiện hoạt động sáng kiến trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.   | 13 |
| 13-7-2019- | Nghị quyết số 07/2019/NQ-HĐND quy định về nội dung và mức chi cho các hội thi, cuộc thi sáng tạo khoa học công nghệ và kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh.   | 17 |

- 13-7-2019- Nghị quyết số 08/2019/NQ-HĐND về chính sách cho vay ưu đãi và bổ sung nguồn vốn cho vay trong Chương trình giảm nghèo bền vững thành phố giai đoạn 2019 - 2020. 20
- 13-7-2019- Nghị quyết số 09/2019/NQ-HĐND về mức chi quà tặng chúc thọ, mừng thọ người cao tuổi trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. 23
- 13-7-2019- Nghị quyết số 10/2019/NQ-HĐND về chế độ hỗ trợ đối với người nghiện ma túy cai nghiện ma túy bắt buộc tại cộng đồng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. 26
- 13-7-2019- Nghị quyết số 11/2019/NQ-HĐND về chế độ trợ cấp đặc thù đối với công chức, viên chức và người lao động làm việc tại các cơ sở cai nghiện ma túy, cơ sở xã hội công lập theo Nghị định số 26/2016/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2016 của Chính phủ. 29

### **ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ**

- 30-8-2019- Quyết định số 22/2019/QĐ-UBND ban hành Bảng giá nhà ở, công trình, vật kiến trúc xây dựng mới trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh. 32
- 16-9-2019- Quyết định số 23/2019/QĐ-UBND về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 19 tháng 7 năm 2018 của Ủy ban nhân dân thành phố quy định về hạn chế và cấp phép ô tô chờ hàng, ô tô tải lưu thông trong khu vực nội đô thành phố Hồ Chí Minh. 44

---

**PHẦN VĂN BẢN KHÁC**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ**

- 13-7-2019- Nghị quyết số 32/NQ-HĐND về nhiệm vụ kinh tế - văn  
hóa - xã hội 6 tháng cuối năm 2019. 49

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ**

- 11-9-2019- Quyết định số 3858/QĐ-UBND về ban hành Kế hoạch  
thực hiện Nghị quyết số 12/NQ-CP ngày 19 tháng 02 năm  
2019 của Chính phủ về tăng cường bảo đảm trật tự an toàn  
giao thông và chống ùn tắc giao thông giai đoạn 2019 -  
2021 trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh. 56

## PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

### HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số 04/2019/NQ-HĐND

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 7 năm 2019*

### NGHỊ QUYẾT

**Ban hành quy định về nội dung chi và mức chi cho công tác  
quản lý nhà nước về thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính  
trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
KHÓA IX, KỲ HỌP THỨ 15  
(Từ ngày 11 đến ngày 13 tháng 7 năm 2019)**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ - CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;*

*Căn cứ Thông tư số 19/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 02 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước cho công tác quản lý nhà nước về thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính;*

*Xét Tờ trình số 2740/TTr-UBND ngày 08 tháng 7 năm 2019 của Ủy ban nhân dân thành phố về dự thảo Nghị quyết ban hành quy định về nội dung chi và mức chi*

*cho công tác quản lý nhà nước về thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh; Báo cáo thẩm tra số 347/BC-HĐND ngày 09 tháng 7 năm 2019 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân thành phố; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.*

## **QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định về nội dung chi và mức chi cho công tác quản lý nhà nước về thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

**Điều 2.** Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân thành phố triển khai và tổ chức thực hiện Nghị quyết này thống nhất trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố, các Ban, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát chặt chẽ quá trình tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh khóa IX, kỳ họp thứ 15 thông qua ngày 13 tháng 7 năm 2019 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 8 năm 2019./.

**CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Thị Lệ**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

## **QUY ĐỊNH**

**Về nội dung chi và mức chi cho công tác quản lý nhà nước về thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 04/2019/NQ-HĐND  
ngày 13 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân thành phố)*

### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy định nội dung chi và mức chi cho công tác quản lý nhà nước về thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

### **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Ủy ban nhân dân các cấp, các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước cho công tác quản lý nhà nước về thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

### **Điều 3. Nội dung chi**

Thực hiện theo các nội dung chi được quy định tại Điều 3 Thông tư số 19/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 02 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước cho công tác quản lý nhà nước về thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính.

### **Điều 4. Mức chi**

1. Đối với các nội dung chi được quy định tại Khoản 1 đến Khoản 13 Điều 3 Thông tư số 19/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 02 năm 2017 của Bộ Tài chính đã có chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi hiện hành thực hiện theo chế độ hiện hành.

2. Ngoài ra, Nghị quyết hướng dẫn thêm một số khoản chi có tính chất đặc thù trong theo dõi thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính, gồm:

a) Chi tổ chức cuộc thi, hội thi công tác quản lý nhà nước về thi hành pháp luật

xử lý vi phạm hành chính thực hiện theo quy định về việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở;

b) Chi mua, thuê trang thiết bị phục vụ cho công tác quản lý nhà nước về thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính thực hiện theo tiêu chuẩn, định mức quy định về tiêu chuẩn, định mức, chế độ quản lý, sử dụng máy móc, thiết bị của cơ quan nhà nước, tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập.

Việc thanh toán căn cứ vào hóa đơn, chứng từ chi tiêu hợp pháp, hợp lệ được cấp có thẩm quyền phê duyệt trong dự toán ngân sách hàng năm; trường hợp thuộc diện phải đấu thầu mua sắm thì thực hiện theo các quy định của pháp luật đấu thầu;

c) Chi công bố kết quả xử lý hồ sơ xử lý vi phạm hành chính trái pháp luật trên các phương tiện thông tin đại chúng thực hiện theo định mức, đơn giá của các ngành có công việc tương tự và theo chứng từ chi thực tế hợp pháp và phải được cấp có thẩm quyền phê duyệt trước khi thực hiện;

d) Chi hỗ trợ cán bộ, công chức làm công tác kiểm tra, đánh giá các văn bản, tài liệu trong hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính có nội dung phức tạp, phạm vi rộng, ảnh hưởng đến nhiều đối tượng: 500.000 đồng/hồ sơ;

đ) Các khoản chi khác có liên quan trực tiếp đến công tác quản lý nhà nước về thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính (nếu có) theo hóa đơn, chứng từ chi thực tế hợp pháp, hợp lệ được cấp có thẩm quyền phê duyệt trong dự toán ngân sách hàng năm.

## **Điều 5. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Ủy ban nhân dân thành phố chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố ban hành quy định về nội dung chi và mức chi cho công tác quản lý nhà nước về thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh; đồng thời quy định cụ thể về thẩm quyền và cách thức xác định hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính có nội dung phức tạp, phạm vi rộng, ảnh hưởng đến nhiều đối tượng để làm cơ sở thực hiện điểm d khoản 2 Điều 4 Thông tư số 19/2017/TT-BTC.

2. Khi các văn bản quy định về chế độ, định mức chi dẫn chiếu để áp dụng tại quy định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

3. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc phát sinh, Ủy ban nhân dân thành phố báo cáo Hội đồng nhân dân thành phố xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ**



**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số 05/2019/NQ-HĐND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 7 năm 2019

## **NGHỊ QUYẾT**

**Quy định nội dung và mức chi thực hiện hoạt động giám sát,  
phản biện xã hội của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam  
và các tổ chức chính trị - xã hội trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
KHÓA IX, KỲ HỌP THỨ MƯỜI LĂM  
(Từ ngày 11 đến ngày 13 tháng 7 năm 2019)**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 06 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 06 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 06 năm 2015;*

*Căn cứ Thông tư số 337/2016/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính Quy định về lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm hoạt động giám sát, phản biện xã hội của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội;*

*Xét Tờ trình số 2773/TTr-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2019 của Ủy ban nhân dân thành phố về dự thảo Nghị quyết quy định nội dung và mức chi thực hiện hoạt động giám sát, phản biện xã hội của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố Hồ Chí Minh và các tổ chức chính trị - xã hội trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh; Báo cáo thẩm tra số 359/BC-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2019 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân thành phố; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.*

## **QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy định nội dung và mức chi thực hiện hoạt động giám sát, phản biện xã hội của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

## **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh bao gồm: Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp thành phố, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các quận, huyện và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các phường, xã, thị trấn.

2. Các tổ chức chính trị - xã hội trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh: Tổ chức chính trị - xã hội cấp thành phố, tổ chức chính trị - xã hội các quận, huyện và tổ chức chính trị - xã hội các phường, xã, thị trấn.

(Sau đây gọi tắt là Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh)

## **Điều 3. Nguồn kinh phí**

1. Kinh phí bảo đảm hoạt động giám sát, phản biện xã hội của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh do ngân sách nhà nước bảo đảm theo phân cấp quản lý ngân sách hiện hành, được bố trí trong dự toán ngân sách hàng năm của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

## **Điều 4. Nội dung chi**

Thực hiện theo các nội dung chi được quy định tại Điều 4 Thông tư số 337/2016/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định về lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm hoạt động giám sát, phản biện xã hội của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội.

## **Điều 5. Mức chi**

1. Chi công tác phí cho các đoàn công tác chỉ đạo, kiểm tra, giám sát, khảo sát: Thanh toán công tác phí, tiền thuê chỗ ở nơi công tác, phương tiện phục vụ công tác giám sát, phản biện xã hội, thực hiện theo quy định hiện hành về chế độ công tác phí.

2. Chi tổ chức hội nghị:

a) Thực hiện theo quy định hiện hành về chế độ chi hội nghị;

b) Đối với hội nghị đối thoại, tọa đàm, hội thảo được chi một số khoản sau:

Chủ trì cuộc họp: 150.000 đồng/người/cuộc họp.

Thành viên tham dự cuộc họp: 100.000 đồng/người/cuộc họp.

Chi báo cáo tham luận theo đơn đặt hàng: 500.000 đồng/bài viết.

3. Chi thuê chuyên gia thẩm định, chuyên gia tư vấn độc lập:

Trường hợp thực hiện hoạt động giám sát, phản biện xã hội có nội dung phức tạp, thuộc lĩnh vực chuyên môn sâu, cần lấy ý kiến tư vấn, phản biện của các chuyên gia độc lập, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội cấp thành phố quyết định việc thuê chuyên gia thẩm định, chuyên gia tư vấn độc lập nhưng phải có hợp đồng công việc, có sản phẩm chất lượng được Thủ trưởng đơn vị phê duyệt, số lượng chuyên gia do cơ quan chủ trì quyết định, nhưng tối đa không quá 05 chuyên gia cho nội dung cần thẩm định hoặc tư vấn trong hoạt động giám sát, phản biện xã hội. Mức chi: 1.000.000 đồng/báo cáo kết quả thẩm định hoặc tư vấn.

4. Chi bồi dưỡng thành viên tham gia đoàn giám sát, phản biện xã hội:

Thành viên chính thức của đoàn giám sát: 100.000 đồng/người/ngày;

Các thành viên khác: 70.000 đồng/người/ngày.

5. Chi xây dựng báo cáo kết quả giám sát, phản biện xã hội (báo cáo theo định kỳ, báo cáo kết quả giám sát, phản biện xã hội theo chuyên đề được giao); văn bản kiến nghị: 2.000.000 đồng/báo cáo hoặc văn bản (tính cho sản phẩm cuối cùng, bao gồm cả tiếp thu, chỉnh lý).

6. Các khoản chi khác: Trong phạm vi kinh phí phục vụ công tác giám sát, phản biện xã hội được cơ quan có thẩm quyền giao, căn cứ tình hình thực tế triển khai công việc, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị quyết định việc chi tiêu cho các nội dung công việc thực tế phát sinh, đảm bảo theo đúng các quy định của pháp luật hiện hành và đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả.

## **Điều 6. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Ủy ban nhân dân thành phố triển khai và tổ chức thực hiện Nghị quyết này thống nhất trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố, các Ban, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát chặt chẽ quá trình tổ chức triển khai thực

hiện Nghị quyết này.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc phát sinh, các cơ quan, đơn vị kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố trình Hội đồng nhân dân thành phố xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh khóa IX, kỳ họp thứ mười lăm thông qua ngày 13 tháng 7 năm 2019 và có hiệu lực từ ngày 23 tháng 7 năm 2019./.

**CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Thị Lệ**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 06/2019/NQ-HĐND

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 7 năm 2019*

## **NGHỊ QUYẾT**

**Quy định về nội dung và mức chi từ ngân sách nhà nước để thực hiện  
hoạt động sáng kiến trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
KHÓA IX, KỲ HỌP THỨ MƯỜI LĂM  
(Từ ngày 11 đến ngày 13 tháng 7 năm 2019)**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 06 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 06 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 06 năm 2015;*

*Căn cứ Thông tư số 03/2019/TT-BTC ngày 15 tháng 01 năm 2019 của Bộ Tài chính Quy định về nguồn kinh phí, nội dung và mức chi từ ngân sách nhà nước để thực hiện hoạt động sáng kiến;*

*Xét Tờ trình số 2712/TTr-UBND ngày 05 tháng 7 năm 2019 của Ủy ban nhân dân thành phố quy định về nội dung và mức chi từ ngân sách nhà nước để thực hiện hoạt động sáng kiến trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh; Báo cáo thẩm tra số 349/BC-HĐND ngày 09 tháng 7 năm 2019 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân thành phố; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố tại kỳ họp.*

## **QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng:

1. Phạm vi điều chỉnh:

Quy định nội dung và mức chi từ ngân sách nhà nước để thực hiện hoạt động sáng kiến trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Đối tượng áp dụng:

Cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

**Điều 2.** Quy định về nội dung và mức chi từ ngân sách nhà nước để thực hiện hoạt động sáng kiến trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh như sau:

1. Mức chi họp Hội đồng sáng kiến:

a) Chủ tịch Hội đồng: Mức chi 500.000 đồng/buổi họp.

b) Phó Chủ tịch Hội đồng, thư ký Hội đồng và các thành viên Hội đồng (gồm các chuyên gia hoặc những người có chuyên môn về lĩnh vực có liên quan đến nội dung sáng kiến): Mức chi 200.000 đồng/người/buổi họp.

c) Các thành phần khác tham gia Hội đồng theo quyết định của người đứng đầu cơ sở xét công nhận sáng kiến: Mức chi 100.000 đồng/người/buổi họp.

d) Chi tiền tài liệu, văn phòng phẩm phục vụ họp Hội đồng: Thanh toán theo hóa đơn thực tế phát sinh trong phạm vi dự toán được phê duyệt.

Mức chi họp Hội đồng sáng kiến hết hiệu lực thi hành khi văn bản do

cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành quy định về chế độ tiền lương mới theo Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 21 tháng 5 năm 2018 của Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về cải cách chính sách tiền lương đối với cán bộ,

công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động trong doanh nghiệp có hiệu lực thi hành.

2. Tổ chức dịch vụ môi giới chuyển giao sáng kiến và các hình thức giao dịch về sáng kiến (hội chợ, triển lãm) hỗ trợ việc chuyển giao sáng kiến được tạo ra do Nhà nước đầu tư kinh phí, phương tiện vật chất - kỹ thuật, hoặc sáng kiến của cá nhân, tổ chức không có đủ năng lực để áp dụng:

a) Tổ chức dịch vụ môi giới chuyển giao sáng kiến: Thực hiện theo quy định

tại Điểm a Khoản 1 Điều 5 Thông tư số 03/2019/TT-BTC ngày 15 tháng 01 năm 2019 của Bộ Tài chính.

b) Thực hiện các hình thức giao dịch về sáng kiến (hội chợ, triển lãm): Ngân

sách nhà nước hỗ trợ các khoản chi phí thuê mặt bằng (điện nước, vệ sinh, an ninh, bảo vệ); chi phí vận chuyển và thiết kế, dàn dựng gian hàng; chi phí hoạt động chung của Ban tổ chức (trang trí tổng thể, lễ khai mạc, bế mạc, in ấn tài liệu và các chi phí khác liên quan). Mức chi hỗ trợ tối đa 10 triệu đồng/1 đơn vị tham gia.

3. Tổ chức hội nghị, hội thảo để hỗ trợ việc triển khai áp dụng sáng kiến lần đầu, công bố, phổ biến, áp dụng rộng rãi các sáng kiến: Thực hiện theo

quy định tại Khoản 2 Điều 5 Thông tư số 03/2019/TT-BTC ngày 15 tháng 01 năm 2019 của Bộ Tài chính.

4. Nội dung và mức chi khuyến khích phong trào thi đua lao động sáng tạo: Thực hiện theo quy định tại Điều 6 Thông tư số 03/2019/TT-BTC ngày 15 tháng 01 năm 2019 của Bộ Tài chính.

5. Tổ chức hội nghị tổng kết hoạt động sáng kiến ở các ngành, các cấp: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị và Nghị quyết số 13/2017/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân thành phố về ban hành mức chi chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

6. Thời gian triển khai thực hiện: Từ ngày 01 tháng 8 năm 2019.

### **Điều 3.** Nguồn kinh phí thực hiện:

Nguồn ngân sách nhà nước được bố trí trong dự toán chi ngân sách hàng năm theo phân cấp quản lý ngân sách để thực hiện hoạt động sáng kiến thuộc trách nhiệm thực hiện của cơ quan quản lý nhà nước và các đơn vị sự nghiệp công lập, trong đó:

a) Ngân sách nhà nước đảm bảo toàn bộ kinh phí đối với hoạt động sáng kiến tại các cơ quan quản lý nhà nước (nguồn ngân sách chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước) và các đơn vị sự nghiệp công lập do Nhà nước bảo đảm toàn bộ kinh phí hoạt động (nguồn ngân sách chi hoạt động sự nghiệp của đơn vị).

b) Các đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần kinh phí hoạt động thường xuyên được hỗ trợ một phần từ nguồn ngân sách nhà nước trong dự toán chi ngân sách hàng năm của đơn vị trên cơ sở khả năng thu của đơn vị và được sử dụng Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp của đơn vị để thực hiện hoạt động sáng kiến.

### **Điều 4.** Tổ chức thực hiện:

1. Giao Ủy ban nhân dân thành phố triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố, các Ban, Tổ đại biểu, đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát chặt chẽ quá trình tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh khóa IX, kỳ họp thứ mười lăm thông qua ngày 13 tháng 7 năm 2019 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 8 năm 2019./.

**CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Thị Lệ**



**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 07/2019/NQ-HĐND

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 7 năm 2019*

## **NGHỊ QUYẾT**

**Quy định về nội dung và mức chi cho các hội thi,  
cuộc thi sáng tạo khoa học công nghệ và kỹ thuật  
Thành phố Hồ Chí Minh**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
KHÓA IX, KỲ HỌP THỨ MƯỜI LĂM  
(Từ ngày 11 đến ngày 13 tháng 7 năm 2019)**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 06 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 06 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 06 năm 2015;*

*Căn cứ Thông tư số 03/2019/TT-BTC ngày 15 tháng 01 năm 2019 của Bộ Tài chính Quy định về nguồn kinh phí, nội dung và mức chi từ ngân sách nhà nước để thực hiện hoạt động sáng kiến;*

*Xét Tờ trình số 2709/TTr-UBND ngày 05 tháng 7 năm 2019 của Ủy ban nhân dân thành phố quy định về nội dung và mức chi cho các hội thi, cuộc thi sáng tạo khoa học công nghệ và kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh; Báo cáo thẩm tra số 348/BC-HĐND ngày 09 tháng 7 năm 2019 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân thành phố; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố tại kỳ họp.*

## **QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng:

1. Phạm vi điều chỉnh:

Quy định nội dung và mức chi cho các hội thi, cuộc thi sáng tạo khoa học công nghệ và kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh bao gồm: Hội thi sáng tạo kỹ thuật thành phố; Cuộc thi sáng tạo Thanh thiếu niên, nhi đồng thành phố; Giải thưởng sáng chế thành phố; Giải thưởng Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp thành phố.

2. Đối tượng áp dụng:

Tổ chức, cá nhân tham gia và tổ chức thực hiện các hội thi, cuộc thi sáng tạo khoa học công nghệ và kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh.

**Điều 2.** Quy định nội dung và mức chi cho các hội thi, cuộc thi sáng tạo khoa học công nghệ và kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh như sau:

1. Hội thi sáng tạo kỹ thuật thành phố:

- a) Giải nhất: 40 triệu đồng/giải.
- b) Giải nhì: 32 triệu đồng/giải.
- c) Giải ba: 24 triệu đồng/giải.
- d) Giải khuyến khích: 8 triệu đồng/giải.

2. Cuộc thi sáng tạo Thanh thiếu niên, nhi đồng thành phố:

- a) Giải đặc biệt: 16 triệu đồng/giải.
- b) Giải nhất: 12 triệu đồng/giải.
- c) Giải nhì: 8 triệu đồng/giải.
- d) Giải ba: 6,4 triệu đồng/giải.
- e) Giải khuyến khích: 4 triệu đồng/giải.

3. Giải thưởng sáng chế thành phố:

- a) Giải nhất: 40 triệu đồng/giải.
- b) Giải nhì: 32 triệu đồng/giải.
- c) Giải ba: 24 triệu đồng/giải.
- d) Giải khuyến khích: 8 triệu đồng/giải.

4. Giải thưởng Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp thành phố: 32 triệu đồng/giải cho 4 nhóm đối tượng với 12 giải đồng hạng. Bao gồm: Doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo có thành tích nổi bật, đem lại lợi ích kinh tế, xã hội cho thành phố; tổ chức, cá nhân có giải pháp đổi mới sáng tạo giải quyết những vấn đề của cộng đồng mang lại hiệu

quả thiết thực cho thành phố; các tác phẩm truyền thông có nhiều tác động đến hoạt động đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp, có sức lan tỏa mạnh trong cộng đồng; các tổ chức, cá nhân có những đóng góp tích cực cho hoạt động đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp tại thành phố.

5. Chi cho công tác khen thưởng; xét chọn và chấm giải; chi thù lao Ban tổ chức và Ban thư ký; chi hỗ trợ cho các tác giả đoạt giải thưởng; các khoản chi khác phục vụ công tác tổ chức cho các hội thi, cuộc thi sáng tạo khoa học công nghệ và kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh được thực hiện theo quy định tại Khoản 2, 3, 4, 5, 6 Điều 3 Thông tư số 27/2018/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài chính. Riêng mức chi thuê chuyên gia phân tích, đánh giá, khảo nghiệm công trình, giải pháp, đề tài dự thi là 1.500.000 đồng/công trình, giải pháp, đề tài.

6. Thời gian triển khai thực hiện: Từ ngày 01 tháng 8 năm 2019.

**Điều 3.** Nguồn kinh phí thực hiện:

1. Kinh phí đảm bảo hoạt động thực hiện các hội thi, cuộc thi sáng tạo khoa học công nghệ và kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh được chi từ nguồn chi sự nghiệp khoa học và công nghệ.

2. Kinh phí tài trợ và các nguồn kinh phí hợp pháp khác huy động từ các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp trong và ngoài nước.

**Điều 3.** Giao Ủy ban nhân dân thành phố triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết này.

**Điều 4.** Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố, các Ban, Tổ đại biểu, đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát chặt chẽ quá trình tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh khóa IX, kỳ họp thứ mười lăm thông qua ngày 13 tháng 7 năm 2019 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 8 năm 2019./.

**CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Thị Lệ**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 08/2019/NQ-HĐND

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 7 năm 2019*

## **NGHỊ QUYẾT**

**Về chính sách cho vay ưu đãi và bổ sung nguồn vốn cho vay  
trong Chương trình giảm nghèo bền vững thành phố  
giai đoạn 2019 - 2020**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
KHÓA IX, KỲ HỌP THỨ MƯỜI LĂM  
(Từ ngày 11 đến ngày 13 tháng 7 năm 2019)**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 06 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị quyết số 76/2014/QH2013 của Quốc hội về đẩy mạnh thực hiện mục tiêu giảm nghèo đến năm 2020;*

*Căn cứ Quyết định số 59/2015/QĐ-TTg ngày 19 tháng 11 năm 2015 của*

*Thủ tướng Chính phủ về ban hành chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016 - 2020;*

*Căn cứ Quyết định số 28/2015/QĐ-TTg ngày 21 tháng 7 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với hộ mới thoát nghèo;*

*Căn cứ Thông tư số 11/TT-BTC ngày 08 tháng 02 năm 2017 quy định về quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác sang Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay người nghèo và các đối tượng chính sách khác;*

*Xét Tờ trình số 2715/TTr-UBND ngày 05 tháng 7 năm 2019 của Ủy ban nhân dân thành phố về sửa đổi, bổ sung một số nội dung chính sách cho vay ưu đãi và nguồn vốn cho vay trong Chương trình giảm nghèo bền vững thành phố giai đoạn*

2019 - 2020; Báo cáo thẩm tra số 351/BC-HĐND ngày 09 tháng 7 năm 2019 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân thành phố; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố tại kỳ họp.

### QUYẾT NGHỊ:

**Điều 1.** Thực hiện chính sách cho vay ưu đãi và bổ sung nguồn vốn cho vay trong Chương trình giảm nghèo bền vững thành phố giai đoạn 2019 - 2020 như sau:

1. Chính sách vay vốn đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo từ Quỹ Xóa đói giảm nghèo:

- Mức cho vay tối đa là 100 triệu đồng, không phải đảm bảo tiền vay.

- Thời hạn cho vay tối đa là 10 năm (120 tháng).

2. Chính sách vay vốn đối với hộ mới thoát mức chuẩn hộ cận nghèo từ Quỹ Xóa đói giảm nghèo:

-Mức cho vay tối đa là 100 triệu đồng, không phải đảm bảo tiền vay.

-Kể từ khi ra khỏi danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo tối đa là 03 năm (36 tháng), hộ mới thoát mức chuẩn hộ cận nghèo được tiếp tục hỗ trợ chính sách vay vốn, thời hạn cho vay tối đa không quá 05 năm (60 tháng).

3. Chính sách cho vay đối với thành viên hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ mới thoát chuẩn hộ cận nghèo đi lao động ở nước ngoài theo hợp đồng:

Mức cho vay tối đa theo giá trị hợp đồng đối với thành viên hộ nghèo,

hộ cận nghèo và hộ mới thoát chuẩn hộ cận nghèo đi lao động có thời hạn ở nước ngoài theo hợp đồng từ Quỹ Xóa đói giảm nghèo.

4. Chính sách hỗ trợ bù lãi vay cho đồng bào dân tộc thiểu số có hoàn cảnh khó khăn:

Hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát chuẩn hộ cận nghèo là người dân tộc thiểu số vay vốn từ Quỹ Xóa đói giảm nghèo thành phố được ngân sách thành phố hỗ trợ cấp bù phần lãi suất 4%/năm.

5. Bổ sung nguồn vốn cho vay từ ngân sách thành phố:

a) Năm 2019: Bổ sung vốn từ ngân sách thành phố cho Quỹ Xóa đói giảm nghèo và Chương trình cho vay giải quyết việc làm thành phố số tiền 615.193 triệu đồng và

phê duyệt phân khai cụ thể cho Quỹ Xóa đói giảm nghèo là 232.521 triệu đồng và Chương trình cho vay giải quyết việc làm là 382.672 triệu đồng.

a) Năm 2020: Bổ sung vốn từ ngân sách thành phố cho Quỹ Xóa đói giảm nghèo

và Chương trình cho vay giải quyết việc làm thành phố số tiền 759.465 triệu đồng từ ngân sách thành phố (nguồn chi đầu tư phát triển) để cho vay ưu đãi, trong đó Quỹ Xóa đói giảm nghèo là 268.299 triệu đồng và Chương trình cho vay giải quyết việc làm là 491.166 triệu đồng.

6. Thời gian thực hiện: Từ ngày 01 tháng 8 năm 2019.

**Điều 2.** Giao Ủy ban nhân dân thành phố triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết này.

**Điều 3.** Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố, các Ban, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố, Hội đồng nhân dân quận, huyện, phường, xã, thị trấn giám sát chặt chẽ quá trình tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh khóa IX, kỳ họp thứ mười lăm thông qua ngày 13 tháng 7 năm 2019 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 8 năm 2019./.

**CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Thị Lệ**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 09/2019/NQ-HĐND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 7 năm 2019

## **NGHỊ QUYẾT**

**Về mức chi quà tặng chúc thọ, mừng thọ người cao tuổi  
trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
KHÓA IX, KỲ HỌP THỨ MƯỜI LĂM  
(Từ ngày 11 đến ngày 13 tháng 7 năm 2019)**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 06 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 06 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 06 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Cư trú ngày 29 tháng 11 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cư trú ngày 20 tháng 6 năm 2013;*

*Căn cứ Thông tư số 96/2018/TT-BTC ngày 18 tháng 10 năm 2018 của Bộ Tài chính Quy định quản lý và sử dụng kinh phí chăm sóc sức khỏe ban đầu cho người cao tuổi tại nơi cư trú; chúc thọ, mừng thọ; ưu đãi tín dụng và biểu dương, khen thưởng người cao tuổi;*

*Xét Tờ trình số 2719/TTr-UBND ngày 05 tháng 7 năm 2019 của Ủy ban nhân dân thành phố về dự thảo Nghị quyết ban hành quy định về mức chi quà tặng chúc thọ, mừng thọ người cao tuổi trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh; Báo cáo thẩm tra số 353/BC-HĐND ngày 09 tháng 7 năm 2019 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân thành phố; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố tại kỳ họp.*

## **QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng:

**1. Phạm vi điều chỉnh:**

Quy định mức chi quà tặng chúc thọ, mừng thọ người cao tuổi trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

**2. Đối tượng áp dụng:**

Người cao tuổi là công dân Việt Nam ở các độ tuổi xác định là 70, 75, 80, 85, 90, 95, 100 và trên 100 đang cư trú hợp pháp trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh (có hộ khẩu thường trú hoặc tạm trú ổn định trên 6 tháng).

**Điều 2.** Mức chi quà tặng chúc thọ, mừng thọ người cao tuổi như sau:**1. Mức chi:**

a) Người cao tuổi 70 tuổi và 75 tuổi: Mức chi 500.000 đồng.

b) Người cao tuổi 80 tuổi và 85 tuổi: Mức chi 800.000 đồng.

c) Người cao tuổi 90 tuổi, 95 tuổi và trên 100 tuổi: Mức chi 1.000.000 đồng.

d) Người cao tuổi 100 tuổi: Mức quà tặng gồm: Mức chi tiền mặt 1.000.000 đồng; 05 mét vải lụa (trị giá 500.000 đồng); khánh vàng mừng thọ (theo định mức khối lượng vàng là 0,08 chỉ vàng 24K/cái, tiền gia công chế tác chữ, in hình trên khánh và tiền khung chi theo thực tế thời điểm quyết toán).

**2. Thời gian thực hiện:** Từ ngày 01 tháng 8 năm 2019.**Điều 3.** Nguồn kinh phí thực hiện:

a) Kinh phí chúc thọ và tặng quà người cao tuổi thọ 100 tuổi và 90 tuổi được bố trí trong dự toán chi thường xuyên hàng năm của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

b) Kinh phí chi quà tặng chúc thọ, mừng thọ người cao tuổi 70, 75, 80, 85, 95 và trên 100 tuổi được bố trí trong dự toán chi thường xuyên hàng năm của Ủy ban nhân dân quận, huyện, phường, xã, thị trấn theo phân cấp.

**Điều 4.** Tổ chức thực hiện:

1. Giao Ủy ban nhân dân thành phố triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố, các Ban, Tổ đại biểu, đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố và Hội đồng nhân dân các quận, huyện, phường, xã, thị trấn giám sát chặt chẽ quá trình tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.



---

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh khóa IX, kỳ họp thứ mười lăm thông qua ngày 13 tháng 7 năm 2019 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 8 năm 2019./.

**CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Thị Lệ**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 10/2019/NQ-HĐND

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 7 năm 2019*

## **NGHỊ QUYẾT**

**Về chế độ hỗ trợ đối với người nghiện ma túy cai nghiện ma túy bắt buộc  
tại cộng đồng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
KHÓA IX, KỲ HỌP THỨ MƯỜI LĂM  
(Từ ngày 11 đến ngày 13 tháng 7 năm 2019)**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Nghị định số 94/2010/NĐ-CP ngày 09 tháng 9 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức cai nghiện ma túy tại gia đình và cai nghiện ma túy tại cộng đồng;*

*Căn cứ Nghị định số 221/2013/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc;*

*Căn cứ Thông tư số 117/2017/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc và tổ chức cai nghiện ma túy bắt buộc tại cộng đồng;*

*Xét Tờ trình số 2716/TTr-UBND ngày 05 tháng 7 năm 2019 của Ủy ban nhân dân thành phố về chế độ hỗ trợ cho người cai nghiện ma túy bắt buộc tại cộng đồng trên địa*

*bàn thành phố; Báo cáo thẩm tra số 352/BC-HĐND ngày 09 tháng 7 năm 2019 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân thành phố; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố tại kỳ họp.*

## **QUYẾT NGHỊ:**

### **Điều 1.** Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng:

#### 1. Phạm vi điều chỉnh:

Chế độ hỗ trợ đối với người nghiện ma túy cai nghiện ma túy bắt buộc tại cộng đồng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh được chuyển đến cắt cơn, giải độc tại các cơ sở xã hội và cơ sở cai nghiện ma túy công lập của thành phố gồm: Cơ sở Tư vấn và cai nghiện ma túy Bình Triệu, Cơ sở xã hội Thanh thiếu niên 2, Cơ sở xã hội Nhi Xuân và Cơ sở cai nghiện ma túy Phước Bình.

#### 2. Đối tượng áp dụng:

Người nghiện ma túy cai nghiện ma túy bắt buộc tại cộng đồng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh được chuyển đến cắt cơn, giải độc tại các cơ sở xã hội và cơ sở cai nghiện ma túy công lập của thành phố.

### **Điều 2.** Chế độ hỗ trợ:

1. Thực hiện chế độ hỗ trợ đối với người nghiện ma túy cai nghiện ma túy bắt buộc tại cộng đồng trên địa bàn thành phố với các khoản như sau:

a) Tiền thuốc điều trị cắt cơn nghiện ma túy mức 400.000 (Bốn trăm ngàn) đồng/người/lần chấp hành quyết định (15 ngày).

b) Tiền ăn trong thời gian cai nghiện tập trung tại các cơ sở điều trị cắt cơn: 40.000 (Bốn mươi ngàn) đồng/người/ngày, thời gian tối đa không quá 15 ngày.

c) Quần áo, vật dụng sinh hoạt cá nhân cần thiết: (02 (hai) bộ quần áo, khăn mặt, dép nhựa, bàn chải, thuốc đánh răng, xà phòng, vệ sinh phụ nữ...): 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng/người/lần (15 ngày).

d) Tiền điện, nước sinh hoạt: 40.000 (Bốn mươi ngàn) đồng/người/lần (15 ngày).

đ) In ấn hồ sơ bệnh án, sách báo, văn phòng phẩm: 20.000 (Hai mươi ngàn) đồng/người, thanh quyết toán theo chi phí thực tế phát sinh;

e) Chi phí chuyên viện (nếu có): Thanh quyết toán theo chi phí thực tế phát sinh.

2. Thời gian thực hiện: Từ ngày 01 tháng 8 năm 2019.

**Điều 3.** Nguồn kinh phí thực hiện:

Kinh phí thực hiện chế độ hỗ trợ nêu trên được bố trí trong dự toán chi thường xuyên đảm bảo xã hội hàng năm do ngân sách thành phố giao cho các đơn vị.

**Điều 4.** Tổ chức thực hiện:

1. Giao Ủy ban nhân dân thành phố triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố, các Ban, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát chặt chẽ quá trình tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết này.

**Điều 5.** Hiệu lực thi hành:

1. Khi thực hiện chế độ hỗ trợ nêu trên, người nghiện ma túy cai nghiện bắt buộc tại cộng đồng sẽ ngưng hưởng chế độ hỗ trợ quy định tại điểm b, khoản 1 và điểm b, khoản 2, Điều 1, Nghị quyết số 16/2015/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2015 của Hội đồng nhân dân thành phố.

2. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh khóa IX, kỳ họp thứ mười lăm thông qua ngày 13 tháng 7 năm 2019 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 8 năm 2019./.

**CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Thị Lệ**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 11/2019/NQ-HĐND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 7 năm 2019

## **NGHỊ QUYẾT**

**Về chế độ trợ cấp đặc thù đối với công chức, viên chức  
và người lao động làm việc tại các cơ sở cai nghiện ma túy,  
cơ sở xã hội công lập theo Nghị định số 26/2016/NĐ-CP  
ngày 06 tháng 4 năm 2016 của Chính phủ**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
KHÓA IX, KỲ HỌP THỨ MƯỜI LĂM  
(Từ ngày 11 đến ngày 13 tháng 7 năm 2019)**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 26/2016/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2016 của Chính phủ quy định về qui định chế độ trợ cấp, phụ cấp đối với công chức, viên chức và người lao động làm việc tại các cơ sở quản lý người nghiện ma túy, người sau cai nghiện ma túy và cơ sở trợ giúp xã hội công lập;*

*Căn cứ Thông tư số 05/2016/TT-BLĐTBXH ngày 08 tháng 4 năm 2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 26/2016/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2016 của Chính phủ quy định về qui định chế độ trợ cấp, phụ cấp đối với công chức, viên chức và người lao động làm việc tại các cơ sở quản lý người nghiện ma túy, người sau cai nghiện ma túy và cơ sở trợ giúp xã hội công lập;*

*Xét Tờ trình số 2714/TTr-UBND ngày 05 tháng 7 năm 2019 của Ủy ban nhân dân thành phố về chế độ trợ cấp đặc thù đối với công chức, viên chức và người lao động làm việc tại các cơ sở cai nghiện ma túy, cơ sở xã hội công lập theo Nghị định số 26/2016/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2016 của Chính phủ; Báo cáo thẩm tra số*

*350/BC-HĐND ngày 09 tháng 7 năm 2019 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân thành phố; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố tại kỳ họp.*

## **QUYẾT NGHỊ:**

### **Điều 1.** Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng:

#### 1. Phạm vi điều chỉnh:

Các cơ sở cai nghiện ma túy, cơ sở xã hội công lập thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và Lực lượng Thanh niên xung phong Thành phố Hồ Chí Minh.

#### 2. Đối tượng áp dụng:

Công chức, viên chức và người lao động làm việc tại các cơ sở cai nghiện ma túy, cơ sở xã hội công lập thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và Lực lượng Thanh niên xung phong Thành phố Hồ Chí Minh.

### **Điều 2.** Chế độ trợ cấp đặc thù:

1. Thực hiện chế độ trợ cấp đặc thù đối với công chức, viên chức và người lao động làm việc tại các cơ sở cai nghiện ma túy, cơ sở xã hội công lập theo Nghị định số 26/2016/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2016 của Chính phủ như sau:

a) Mức trợ cấp 500.000 đồng/người/tháng đối với công chức, viên chức và người lao động làm việc tại các cơ sở cai nghiện ma túy, cơ sở xã hội công lập ở Thành phố Hồ Chí Minh.

b) Mức trợ cấp 600.000 đồng/người/tháng đối với công chức, viên chức và người lao động làm việc tại các cơ sở cai nghiện ma túy, cơ sở xã hội ở các tỉnh Bình Dương, tỉnh Đồng Nai.

c) Mức trợ cấp 700.000 đồng/người/tháng đối với công chức, viên chức và người lao động làm việc tại các cơ sở cai nghiện ma túy, cơ sở xã hội ở các tỉnh Bình Phước, tỉnh Lâm Đồng và tỉnh Đắk Nông.

2. Thời gian thực hiện: Từ ngày 01 tháng 8 năm 2019.

### **Điều 3.** Nguồn kinh phí thực hiện:

a) Ngân sách nhà nước bảo đảm trong dự toán ngân sách hàng năm của đơn vị

theo phân cấp quản lý ngân sách nhà nước hiện hành.

- b) Nguồn thu từ các hoạt động sự nghiệp của đơn vị.
- c) Nguồn cung cấp dịch vụ lao động sản xuất.
- d) Các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

**Điều 4. Tổ chức thực hiện:**

1. Giao Ủy ban nhân dân thành phố triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố, các Ban, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát chặt chẽ quá trình tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết này.

**Điều 5. Hiệu lực thi hành:**

1. Nghị quyết số 10/2009/NQ-HĐND ngày 09 tháng 7 năm 2009 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về thực hiện chế độ phụ cấp đối với cán bộ, viên chức làm việc tại các cơ sở quản lý người nghiện ma túy, người bán dâm và người sau cai nghiện ma túy hết hiệu lực thi hành kể từ khi Nghị quyết này có hiệu lực.

2. Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh khóa IX, kỳ họp thứ mười lăm thông qua ngày 13 tháng 7 năm 2019 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 8 năm 2019./.

**CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Thị Lệ**

## ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 22/2019/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 8 năm 2019

### QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Bảng giá nhà ở, công trình, vật kiến trúc xây dựng mới  
trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh**

### ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số Điều của Luật Nhà ở;*

*Căn cứ Nghị định số 140/2016/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2016 của Chính phủ về lệ phí trước bạ và Nghị định số 20/2019/NĐ-CP ngày 21 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ về lệ phí trước bạ sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 140/2016/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2016 của Chính phủ về lệ phí trước;*

*Căn cứ Thông tư số 301/2016/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính về hướng dẫn về lệ phí trước bạ;*

*Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 5296/TTr-SXD-KTXD ngày 08 tháng 5 năm 2019, Công văn số 8137/SXD-KTXD ngày 04 tháng 7 năm 2019, Tờ trình số 9279/TTr-SXD-KTXD ngày 29 tháng 7 năm 2019 về việc ban hành Bảng giá nhà ở, công trình, vật kiến trúc xây dựng mới trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh; ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Công văn số 1794/STP-VB ngày 04 tháng 4 năm 2019 Công văn số 3564/STP-VB ngày 24 tháng 6 năm 2019,*



**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Bảng giá nhà ở, công trình, vật kiến trúc xây dựng mới để sử dụng vào mục đích:

1. Tính lệ phí trước bạ;

2. Tính giá chuẩn nhà ở xây dựng mới để thực hiện công tác bán nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước theo quy định.

**Điều 2.** Giá trị xây dựng nhà ở, công trình, vật kiến trúc không có trong Bảng giá nhà ở, công trình, vật kiến trúc xây dựng mới tại Thành phố ban hành kèm theo Quyết định này thì áp dụng theo suất vốn đầu tư xây dựng công trình và giá xây dựng tổng hợp bộ phận kết cấu công trình được Bộ Xây dựng công bố.

**Điều 3.** Căn cứ quy định của Trung ương về giá xây dựng công trình tại các đô thị và biến động giá trên thị trường, giao Sở Xây dựng chủ trì cùng các đơn vị có liên quan nghiên cứu xây dựng, tham mưu cho Ủy ban nhân dân thành phố điều chỉnh, bổ sung Bảng giá cho phù hợp thực tế.

Giao Sở Xây dựng hướng dẫn những trường hợp phát sinh cụ thể chưa nêu trong Bảng giá nhà ở, công trình, vật kiến trúc xây dựng mới ban hành kèm theo Quyết định này.

**Điều 4.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 9 năm 2019. Quyết định này thay thế Quyết định số 66/2012/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Biểu giá chuẩn về suất vốn đầu tư phần xây dựng công trình trên địa bàn thành phố.

**Điều 5.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc các Sở - ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện, phường - xã, thị trấn, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức, hộ gia đình và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Võ Văn Hoan**

ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

## BẢNG GIÁ

**Nhà ở, công trình, vật kiến trúc xây dựng mới  
phần xây dựng công trình**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 22/2019/QĐ-UBND  
ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Ủy ban nhân dân thành phố)

ST T	Loại công trình	Đơn vị	Bảng giá nhà ở, công trình, vật kiến trúc xây dựng mới		
			Móng cọc các loại L ≤ 15m	Móng cọc các loại L > 15m	
1	2	3	4	5	
<b>A</b>	<b>Nhà ở</b>				
1	Biệt thự trệt	1. Khung (móng, cột, đà), mái BTCT (có hoặc không dán ngói); tường gạch sơn nước; nền lát gạch bóng kính 80x80 hay tương đương; mặt tiền ốp đá granit.	đồng /m <sup>2</sup>	7,262,000	7,657,000
		2. Khung BTCT; mái lợp ngói; trần thạch cao; tường gạch sơn nước; nền lát gạch bóng kính 80x80 hay tương đương; mặt tiền ốp đá granit.	đồng /m <sup>2</sup>	6,844,000	7,418,000
		3. Khung BTCT; mái lợp tôn; trần thạch cao; tường gạch sơn nước; nền lát gạch bóng kính 80x80 hay tương đương; mặt tiền ốp đá granit.	đồng /m <sup>2</sup>	6,425,000	6,760,000
2	Biệt thự lầu	1. Khung, sàn, mái BTCT (có hoặc không dán ngói); tường gạch sơn nước; nền lát gạch bóng kính 80x80 hay tương đương; mặt tiền ốp đá granit.	đồng /m <sup>2</sup>	6,742,000	7,095,000

		2. Khung, sàn BTCT, mái lợp ngói; trần thạch cao; tường gạch sơn nước; nền lát gạch bóng kính 80x80 hay tương đương ; mặt tiền ốp đá granit.	đồng /m <sup>2</sup>	6,323,000	6,652,000
		3. Khung, sàn BTCT, mái lợp tôn; trần thạch cao; tường gạch sơn nước; nền lát gạch bóng kính 80x80 hay tương đương ; mặt tiền ốp đá granit.	đồng /m <sup>2</sup>	5,904,000	6,221,000
		4.Cột BTCT hoặc gạch; sàn xây cuốn trên sắt I; mái lợp ngói hoặc tôn có trần; tường gạch; nền lát gạch ceramic các loại tương đương	đồng /m <sup>2</sup>	4,188,000	
		5. Cột gạch hoặc gỗ, sàn gỗ, mái lợp ngói hoặc tôn có trần; tường gạch ; nền lát gạch ceramic hay tương đương.	đồng /m <sup>2</sup>	3,649,000	
3	Nhà phố liền kề trệt	1.Khung, mái BTCT ; tường gạch sơn nước; nền lát gạch ceramic các loại hay tương đương.	đồng /m <sup>2</sup>	4,965,000	
		2.Khung BTCT, mái lợp ngói; trần thạch cao;tường gạch sơn nước; nền lát gạch ceramic các loại hay tương đương.	đồng /m <sup>2</sup>	4,235,000	
		3.Khung BTCT, mái lợp tôn ; trần thạch cao;tường gạch sơn nước; nền lát gạch ceramic các loại hay tương đương.	đồng /m <sup>2</sup>	3,781,000	
		4.Cột gạch hoặc gỗ ; mái lợp tôn hoặc ngói; tường gạch + ván hoặc tôn ; nền lát gạch bông hoặc tương đương	đồng /m <sup>2</sup>	3,135,000	
		5.Cột gạch hoặc gỗ ; mái lợp giấy dầu hoặc lá ; tường gạch + ván hoặc tôn ; nền lát gạch bông hoặc tương đương	đồng /m <sup>2</sup>	2,327,000	
		6.Cột gạch hoặc gỗ ; mái lợp giấy dầu hoặc lá ; tường gạch + ván hoặc tôn ; nền láng xi măng	đồng /m <sup>2</sup>	2,150,000	
		7. Cột gỗ; mái tôn, trần ván hoặc cốt ép; vách ván hoặc tôn;	đồng /m <sup>2</sup>	1,615,000	

		nền láng xi măng			
		8. Cột gỗ; mái lá hoặc giấy dầu; vách tôn+gỗ; nền láng xi măng	đồng /m <sup>2</sup>	1,125,000	
4	Nhà phố liền kề ≤ 4 tầng	1.Khung,sàn, mái BTCT ; tường gạch sơn nước; nền lát gạch ceramic các loại hay tương đương.	đồng /m <sup>2</sup>	4,846,000	5,097,000
		2.Khung, sàn BTCT, mái lợp ngói; trần thạch cao;tường gạch sơn nước; nền lát gạch ceramic các loại hay tương đương.	đồng /m <sup>2</sup>	4,666,000	4,905,000
		3.Khung, sàn BTCT, mái lợp tôn ; trần thạch cao;tường gạch sơn nước; nền lát gạch ceramic các loại hay tương đương.	đồng /m <sup>2</sup>	4,487,000	4,726,000
		4.Cột BTCT hoặc gạch sàn-mái xây cuốn trên sắt I; tường gạch ; nền lát gạch ceramic hoặc tương đương	đồng /m <sup>2</sup>	3,649,000	3,841,000
		5.Cột BTCT hoặc gạch sàn-mái xây cuốn trên sắt I; mái lợp tôn hoặc ngói trần; tường gạch ; nền lát gạch ceramic hoặc tương đương	đồng /m <sup>2</sup>	3,529,000	3,709,000
		6. Cột BTCT hoặc gạch; sàn đúc giả hoặc sàn gỗ; mái lợp tôn hoặc ngói có trần; tường gạch; nền lát gạch ceramic hoặc tương đương.	đồng /m <sup>2</sup>	3,470,000	
		7. Cột gỗ; sàn gỗ; mái lợp tôn có trần; vách ván; nền lát gạch ceramic hoặc tương đương	đồng /m <sup>2</sup>	1,998,000	
5	Nhà phố liền kề ≥ 5 tầng	1.Khung,sàn, mái BTCT (có hoặc không dán ngói); tường gạch sơn nước; nền lát gạch ceramic các loại hay tương đương.	đồng /m <sup>2</sup>	5,384,000	5,671,000
		2.Khung, sàn BTCT, mái lợp ngói; trần thạch cao;tường gạch sơn nước; nền lát gạch ceramic các loại hay tương đương.	đồng /m <sup>2</sup>	5,264,000	5,540,000

		3.Khung, sàn BTCT, mái lợp tôn ; trần thạch cao;tường gạch sơn nước; nền lát gạch ceramic các loại hay tương đương.	đồng /m <sup>2</sup>	5,145,000	5,420,000
6		≤ 5 tầng	đồng /m <sup>2</sup>	5,671,000	5,970,000
6	Loại tiêu chuẩn 1 sao	không phân biệt số tầng	đồng /m <sup>2</sup>	5,549,000	5,839,000
7	Loại tiêu chuẩn 2 sao	≤ 5 tầng	đồng /m <sup>2</sup>	6,262,000	6,588,000
		6-10 tầng	đồng /m <sup>2</sup>	7,038,000	7,406,000
8	Loại tiêu chuẩn 3 sao	≤ 5 tầng	đồng /m <sup>2</sup>	6,576,000	6,927,000
		6-10 tầng	đồng /m <sup>2</sup>	7,392,000	7,786,000
		> 10 tầng	đồng /m <sup>2</sup>		8,293,000
9	Loại tiêu chuẩn 4 sao	≤ 5 tầng	đồng /m <sup>2</sup>	7,253,000	7,628,000
		6-10 tầng	đồng /m <sup>2</sup>	8,153,000	8,573,000
		> 10 tầng	đồng /m <sup>2</sup>		9,131,000
10	Loại tiêu chuẩn 5 sao	≤ 5 tầng	đồng /m <sup>2</sup>	7,761,000	8,172,000
		6-10 tầng	đồng /m <sup>2</sup>	8,723,000	9,185,000
		> 10 tầng	đồng /m <sup>2</sup>		9,782,000
<b>C</b>	<b>Công trình văn hóa, giáo dục</b>				
11	Rạp chiếu phim, nhà hát, hội trường (có thiết kế nội thất tương tự nhà hát)				
		1. 200-400 chỗ ngồi	đồng /m <sup>2</sup>	4,888,000	5,144,000
		2. >400-600 chỗ ngồi	đồng /m <sup>2</sup>	5,219,000	5,500,000
		3. >600-800 chỗ ngồi	đồng /m <sup>2</sup>	5,659,000	5,952,000
		4. >800-1.000 chỗ ngồi	đồng /m <sup>2</sup>	6,282,000	6,612,000
12	Trường học (các cấp) ≤ 5 tầng	1.Khung, sàn, mái BTCT; tường gạch sơn nước; nền lát gạch ceramic hoặc tương đương.	đồng /m <sup>2</sup>	6,409,000	6,750,000
		2.Khung, sàn BTCT, mái lợp ngói hoặc tôn có trần ;tường gạch sơn nước; nền lát gạch ceramic hoặc tương đương.	đồng /m <sup>2</sup>	5,982,000	6,323,000
13	Trường Đại học, Học viện,	≤ 5 tầng	đồng /m <sup>2</sup>		7,445,000
		> 5 tầng	đồng /m <sup>2</sup>		8,759,000

	cao đẳng				
14	Trường Trung học chuyên nghiệp, dạy nghề	≤ 5 tầng	đồng /m <sup>2</sup>		6,651,000
		> 5 tầng	đồng /m <sup>2</sup>		7,650,000
<b>E</b>	<b>Bệnh viện, phòng khám bệnh</b>				
15	Bệnh viện, phòng khám bệnh	≤ 5 tầng	đồng /m <sup>2</sup>		6,434,000
		> 5 tầng	đồng /m <sup>2</sup>		7,145,000
<b>G</b>	<b>Kho, Nhà xưởng không có cầu trục</b>				
16	Bể bằng thép chứa xăng dầu và hệ thống đường ống dẫn	1. Không có lớp bảo vệ ngoài	đồng /m <sup>3</sup>	7,696,000	
		2. Có lớp bảo vệ ngoài	đồng /m <sup>3</sup>	9,595,000	
17	Nhà điều hành trạm xăng	1. Khung, mái BTCT; tường gạch sơn nước; nền lát gạch ceramic các loại hay tương đương.	đồng /m <sup>2</sup>	5,256,000	
		2. Khung BTCT, mái lợp tôn có trần ; tường gạch sơn nước; nền lát gạch ceramic các loại hay tương đương.	đồng /m <sup>2</sup>	4,676,000	
18	Mái của trạm xăng	1. Móng, cột BTCT, vì kèo thép; mái lợp tôn	đồng /m <sup>2</sup>	696,000	
		2. Móng BTCT, cột thép, vì kèo thép; mái lợp tôn	đồng /m <sup>2</sup>	696,000	
<b>H</b>	<b>Công trình hạ tầng kỹ thuật</b>				
19	Đường nội bộ sân bãi	1. Mặt đường BT nhựa nóng	đồng /m <sup>2</sup>	921,000	
		2. Mặt đường BT nhựa nguội	đồng /m <sup>2</sup>	738,000	
		3. Mặt đường BT đá 1x2 hoặc bê tông sỏi	đồng /m <sup>2</sup>	444,000	
		4. Đường đá dăm chèn đất	đồng /m <sup>2</sup>	207,000	

		5. Đường cấp phối sỏi đỏ	đồng /m <sup>2</sup>	177,000	
		6. Sân, vỉa hè lát gạch con sâu hoặc gạch xi măng các loại	đồng /m <sup>2</sup>	351,000	
		7. Sân lát gạch tàu	đồng /m <sup>2</sup>	189,000	
		8. Sân lát đan	đồng /m <sup>2</sup>	180,000	
		9. Sân bê tông đá 1x2	đồng /m <sup>2</sup>	250,000	
		10. Sân láng vữa xi măng dày 3cm	đồng /m <sup>2</sup>	148,000	
20	Đài nước	1. Đài nước BTCT ≤ 100 m <sup>3</sup> , cao > 15	đồng /m <sup>3</sup>	17,979,000	
		2. Đài nước BTCT ≤ 100 m <sup>3</sup> , cao từ 10m - ≤ 15m	đồng /m <sup>3</sup>	14,391,000	
		3. Đài nước BTCT ≤ 100 m <sup>3</sup> , cao từ 5m - < 10m	đồng /m <sup>3</sup>	10,790,000	
		4. Đài nước BTCT ≤ 100 m <sup>3</sup> , cao < 5m	đồng /m <sup>3</sup>	8,089,000	
		5. Đài nước BTCT > 100 m <sup>3</sup> , cao > 15m	đồng /m <sup>3</sup>	22,057,000	
		6. Đài nước BTCT > 100 m <sup>3</sup> , cao từ 10m - ≤ 15m	đồng /m <sup>3</sup>	19,184,000	
		7. Đài nước BTCT > 100 m <sup>3</sup> , cao từ 5m - < 10m	đồng /m <sup>3</sup>	16,681,000	
		8. Đài nước BTCT > 100 m <sup>3</sup> , cao < 5m	đồng /m <sup>3</sup>	14,510,000	
21	Hồ nước ngầm, bể tự hoại	Tường xây gạch, nắp bê tông cốt thép:		0	
		1. Dung tích ≤ 50 m <sup>3</sup>	đồng /m <sup>3</sup>	3,191,000	
		2. Dung tích > 50 m <sup>3</sup>	đồng /m <sup>3</sup>	3,733,000	
		Tường BTCT, nắp BTCT:			
		1. Dung tích ≤ 50 m <sup>3</sup>	đồng /m <sup>3</sup>	6,792,000	
		2. Dung tích > 50 m <sup>3</sup>	đồng /m <sup>3</sup>	7,732,000	
		3. Dung tích > 100 m <sup>3</sup>	đồng /m <sup>3</sup>	8,923,000	
22	Hồ nước mái	Tường xây gạch, nắp bê tông cốt thép:			
		1. Dung tích ≤ 50 m <sup>3</sup>	đồng /m <sup>3</sup>	3,363,000	
		Tường BTCT, nắp BTCT:			

		1.Dung tích $\leq 50 \text{ m}^3$	đồng / $\text{m}^3$	7,136,000	
		2.Dung tích $> 50 \text{ m}^3 - 100 \text{ m}^3$	đồng / $\text{m}^3$	8,116,000	
		3.Dung tích $> 100 \text{ m}^3$	đồng / $\text{m}^3$	9,373,000	
		1.Quy mô $\leq 100 \text{ ha}$	triệu đồng /ha	7,527	
23	Nhà bảo vệ (riêng lẻ)	1.Khung BTCT, mái BTCT có hoặc không dán ngói; tường gạch sơn nước; nền lát gạch ceramic	đồng / $\text{m}^2$	5,324,000	
		2.Khung BTCT, mái lợp ngói hoặc tôn; tường gạch sơn nước; nền lát gạch ceramic	đồng / $\text{m}^2$	4,905,000	
		3.Khung BTCT, mái ngói hoặc tôn; tường gạch quét vôi; nền lát gạch ceramic	đồng / $\text{m}^2$	4,546,000	
24	Nhà vệ sinh (riêng lẻ)	1.Khung BTCT, mái BTCT; tường ốp gạch men; nền lát gạch ceramic	đồng / $\text{m}^2$	6,341,000	
		2.Khung BTCT, mái ngói có trần nhựa, tường ốp gạch men; nền lát gạch ceramic	đồng / $\text{m}^2$	5,922,000	
		3.Khung BTCT, mái tôn hoặc fibro có trần nhựa, tường ốp gạch men, nền lát gạch ceramic	đồng / $\text{m}^2$	5,504,000	
		4.Khung BTCT, mái tôn hoặc fibro có trần nhựa, tường gạch sơn nước, nền lát gạch ceramic	đồng / $\text{m}^2$	5,264,000	
		5.Khung BTCT, mái tôn hoặc fibro có trần nhựa, tường gạch quét vôi, nền lát gạch ceramic	đồng / $\text{m}^2$	5,085,000	
		6.Cột gỗ, mái tôn, vách tôn, nền xi măng	đồng / $\text{m}^2$	1,196,000	
25	Gác lửng	1.Gác lửng đúc	đồng / $\text{m}^2$	2,991,000	
		2.Gác lửng đúc giả	đồng / $\text{m}^2$	1,795,000	
		3.Gác lửng ván	đồng / $\text{m}^2$	1,196,000	
26	Mái che	1.Cột gạch, vì kèo-xà gỗ thép, mái lợp tôn hoặc fibro, nền láng xi măng	đồng / $\text{m}^2$	1,555,000	



		2.Cột gạch, vì kèo-xà gỗ gỗ, mái lợp tôn hoặc fibro, nền láng xi măng	đồng /m <sup>2</sup>	1,436,000	
		3.Cột thép ống, vì kèo-xà gỗ gỗ, mái tôn, nền lát gạch tàu	đồng /m <sup>2</sup>	1,316,000	
		4.Cột gỗ, vì kèo-xà gỗ gỗ tạp, mái tôn, nền lát gạch tàu	đồng /m <sup>2</sup>	790,000	
		5.Cột gỗ, vì kèo-xà gỗ gỗ tạp, mái lá, nền lát đan xi măng	đồng /m <sup>2</sup>	778,000	
39	Hồ bơi	1.Hồ bơi có chiều dài ≤ 25m	đồng /m <sup>2</sup>	7,337,000	
27	Hồ bơi trên sân thượng	2.Hồ bơi không có mái che	đồng /m <sup>2</sup>	5,863,000	
28	Tường rào	1.Khung BTCT; tường xây gạch dày 20cm; trên lắp song sắt; cửa đi bằng sắt loại 02 bánh	đồng /m <sup>2</sup>	842,000	
		2.Khung BTCT; tường xây gạch dày 10cm; trên lắp song sắt; cửa đi bằng sắt loại 02 bánh	đồng /m <sup>2</sup>	641,000	
		3.Trụ BTCT; tường xây gạch dày 10cm cao 0,24m; trên rào lưới B40 khung sắt	đồng /m <sup>2</sup>	453,000	
		4.Trụ BTCT; tường xây gạch dày 10cm cao 0,24m; trên rào lưới B40 khung gỗ	đồng /m <sup>2</sup>	312,000	
		5.Trụ BTCT; tường xây gạch dày 10cm cao 0,24m; trên rào kẽm gai	đồng /m <sup>2</sup>	179,000	
29	Trần nhà	1. Trần nhà thạch cao, khung chìm	đồng /m <sup>2</sup>	168,000	
		2. Trần nhà thạch cao, khung nổi	đồng /m <sup>2</sup>	184,000	
		3. Trần nhà ván ép	đồng /m <sup>2</sup>	184,000	
		4. Trần nhà ván gỗ (gỗ tự nhiên, gỗ MDF)	đồng /m <sup>2</sup>	555,000	
		5. Trần nhà nhựa	đồng /m <sup>2</sup>	132,000	
L	<b>Một số dạng nhà ở, vật kiến trúc có kết cấu trên sông rạch nằm trên địa bàn thành phố</b>				

30	Nhà phố trệt	1. Khung, mái BTCT; tường gạch sơn nước; nền (sàn trên rạch) BTCT lát gạch các loại	đồng /m <sup>2</sup>	5,384,000	
		2. Khung BTCT; mái lợp ngói có trần, tường gạch sơn nước; nền (sàn trên rạch) BTCT hoặc bê tông đúc giả, lát gạch các loại	đồng /m <sup>2</sup>	4,965,000	
		3. Khung BTCT; mái lợp tôn có trần, tường gạch sơn nước; nền (sàn trên rạch) BTCT hoặc bê tông đúc giả, lát gạch các loại	đồng /m <sup>2</sup>	4,546,000	
		4. Cột gạch; mái lợp ngói có trần ; tường gạch sơn nước; nền (sàn trên rạch) bằng đan hoặc bê tông đúc giả, lát gạch các loại	đồng /m <sup>2</sup>	3,769,000	
		5. Cột gạch hoặc gỗ; mái tôn, giấy dầu hoặc lá ; tường gạch + ván hoặc tôn; nền (sàn trên rạch) bằng đan hoặc bê tông đúc giả	đồng /m <sup>2</sup>	2,752,000	
		6. Cột gỗ; mái tôn, giấy dầu hoặc lá ; vách tôn + ván, lá ; nền (sàn trên rạch) bằng đan hoặc bê tông đúc giả, gỗ ván các loại	đồng /m <sup>2</sup>	1,914,000	
	Nhà phố trệt	1. Sàn gỗ trên rạch: không vách, không mái	đồng /m <sup>2</sup>	1,300,000	
31	Nhà phố trệt				
32	Nhà phố lầu	1. Khung, sàn mái BTCT; tường gạch sơn nước; nền (sàn trên rạch) BTCT lát gạch các loại	đồng /m <sup>2</sup>	5,264,000	
		2. Khung, sàn BTCT; mái lợp ngói hoặc tôn có trần, tường gạch sơn nước; nền (sàn trên rạch) BTCT lát gạch các loại	đồng /m <sup>2</sup>	4,846,000	

		3. Cột BTCT hoặc cột gạch, sàn xây cuốn trên sắt I; mái lợp tôn hoặc ngói có trần; tường gạch sơn nước; nền (sàn trên rạch) bằng BTCT, lát gạch các loại	đồng /m <sup>2</sup>	4,367,000	
		4. Cột BTCT hoặc cột gạch, sàn đúc giả hoặc sàn gỗ; mái đúc giả hoặc lợp ngói, lợp tôn có trần; tường gạch; nền (sàn trên rạch) bằng bê tông đúc giả hoặc đan	đồng /m <sup>2</sup>	3,529,000	
		5. Cột gỗ, sàn đúc giả hoặc sàn gỗ; mái đúc giả hoặc lợp ngói, lợp tôn có trần; vách gạch + ván; nền (sàn trên rạch) bằng đan, gỗ ván	đồng /m <sup>2</sup>	1,795,000	
32	Nhà phố trệt	Sàn gỗ trên rạch: không vách, không mái	đồng /m <sup>2</sup>	1,300,000	
33	Các trường hợp Nhà phố lầu có tầng trệt và lối đi chung hoặc hẻm công cộng	2. Cột, đà BTCT; mái ngói có trần; tường gạch sơn nước; sàn BTCT lát gạch các loại	đồng /m <sup>2</sup>	4,128,000	
		3. Cột, đà BTCT; mái ngói hoặc lợp tôn có trần; tường gạch; sàn đúc giả lát gạch các loại	đồng /m <sup>2</sup>	3,171,000	
		4. Cột gạch, cột sắt hoặc gỗ; mái lợp tôn hoặc ngói có trần; tường gạch + ván hoặc tôn; sàn gỗ	đồng /m <sup>2</sup>	1,615,000	
34	Các công trình Giao thông thủy	2. Bờ kè BTCT trên rạch	đồng /m <sup>2</sup>	4,000,000	

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

**Ghi chú:**

1. Bảng giá nhà ở, công trình, vật kiến trúc xây dựng mới được tính trên  $1\text{m}^2$  sàn xây dựng.

2. Bảng giá nhà ở, công trình, vật kiến trúc xây dựng mới là giá trị xây lắp, đã có VAT bao gồm cả hệ thống cấp thoát nước, cấp điện, chống sét, cấp, nước PCCC trong công trình.

Bảng giá nhà ở, công trình, vật kiến trúc xây dựng mới không bao gồm chi phí trang thiết bị công trình như: thang máy; hệ thống điều hòa không khí; hệ thống thông tin, liên lạc, truyền hình, truyền thanh; hệ thống máy bơm phục vụ PCCC, hệ thống báo cháy; chống trộm; tủ, bàn, ghế, trang thiết bị hành chính và máy móc thiết bị phục vụ sản xuất, nghiên cứu, vận hành, điều trị....

3. Nội dung áp dụng đơn giá đối với công trình cọc  $L \leq 15\text{m}$  hoặc móng cọc các loại  $L > 15\text{m}$  như sau:

- Trường hợp chủ sở hữu tài sản có tài liệu chứng minh công trình xây dựng sử dụng móng cọc các loại  $L > 15\text{m}$ : áp dụng theo đơn giá của công trình xây dựng sử dụng móng cọc các loại  $L > 15\text{m}$ .

- Trường hợp chủ sở hữu tài sản không có tài liệu chứng minh công trình xây dựng sử dụng móng cọc các loại  $L > 15\text{m}$ : áp dụng theo đơn giá của công trình xây dựng sử dụng cọc  $L \leq 15\text{m}$ .

4. Bảng giá nhà ở, công trình, vật kiến trúc xây dựng mới tính cho công trình chưa có tầng hầm. Trường hợp có xây dựng tầng hầm thì bổ sung chi phí xây dựng có tầng hầm theo hướng dẫn của Bộ Xây dựng.

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 23/2019/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 9 năm 2019

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 19 tháng 7 năm 2018 của Ủy ban nhân dân thành phố quy định về hạn chế và cấp phép ô tô chở hàng, ô tô tải lưu thông trong khu vực nội đô thành phố Hồ Chí Minh**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 13 tháng 11 năm 2008;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;*

*Căn cứ Thông tư số 21/2010/TT-BGTVT ngày 10 tháng 8 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc hướng dẫn thực hiện Nghị định số 95/2009/NĐ-CP ngày 30 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ quy định niên hạn đối với xe ô tô chở hàng và xe ô tô chở người;*

*Căn cứ Thông tư số 06/2016/TT-BGTVT ngày 08 tháng 4 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ;*

*Theo đề nghị của Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 3421/TTr-SGTVT ngày 30 tháng 7 năm 2019, ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Công văn số 3756/STP-VB ngày 01 tháng 7 năm 2019.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Sửa đổi, bổ sung tên gọi và một số điều của Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 19 tháng 7 năm 2018 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành quy định về hạn chế và cấp phép ô tô chở hàng, ô tô tải lưu thông trong khu vực nội đô thành phố Hồ Chí Minh, cụ thể như sau:

1. Tên gọi Quyết định được sửa đổi như sau:

*“Quyết định ban hành Quy định về hạn chế ô tô chở hàng, ô tô tải lưu thông trong khu vực nội đô thành phố Hồ Chí Minh”.*

2. Điều 1 của Quyết định được sửa đổi, bổ sung như sau:

*“**Điều 1.** Ban hành kèm Quyết định này Quy định về hạn chế ô tô chở hàng, ô tô tải lưu thông trong khu vực nội đô thành phố Hồ Chí Minh”.*

**Điều 2.** Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về hạn chế và cấp phép ô tô chở hàng, ô tô tải lưu thông trong khu vực nội đô thành phố Hồ Chí Minh ban hành kèm theo Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 19 tháng 7 năm 2018 của Ủy ban nhân dân thành phố, cụ thể như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung Điều 1 của Quy định như sau:

***“Điều 1. Đối tượng và phạm vi điều chỉnh***

*1. Quy định này quy định về thời gian hạn chế xe ô tô chở hàng, ô tô tải lưu thông trong khu vực nội đô thành phố nhằm giảm thiểu ùn tắc giao thông và tăng cường đảm bảo trật tự an toàn giao thông trong khu vực nội đô thành phố.*

*2. Các loại phương tiện không bị điều chỉnh bởi Quy định này gồm:*

*a) Xe quân sự, xe công an, xe chữa cháy đi làm nhiệm vụ.*

*b) Xe thuộc lực lượng Thanh tra giao thông vận tải đi làm nhiệm vụ.*

*c) Xe tang.*

*d) Xe bán tải.*

*e) Xe tải van có khối lượng chuyên chở cho phép tham gia giao thông dưới 950 kg.”*

2. Bổ sung Khoản 13 và Khoản 14 Điều 2 của Quy định như sau:

***“Điều 2. Giải thích từ ngữ:***

13. *Xe tải van*: là ô tô tải thùng kín có khoang chở hàng liền với ca bin, có bố trí cửa để xếp, dỡ hàng.

14. *Ô tô chở hàng chuyên dùng (Xe tải chuyên dùng)*: là ô tô chở hàng có kết cấu và trang bị để thực hiện một chức năng, công dụng đặc biệt”.

3. Bổ sung Khoản 3 và Khoản 4 Điều 3 của Quy định như sau:

**“Điều 3. Đối tượng và thời gian hạn chế lưu thông:**

3. Phương tiện được thông qua phương án lưu thông tạm thời vào giờ hạn chế lưu thông:

a) *Xe tải phục vụ cho việc sửa chữa sự cố công trình điện của các Công ty trực thuộc Điện lực, các doanh nghiệp có chức năng truyền tải, phân phối điện năng.*

b) *Xe tải phục vụ cho việc ứng cứu thông tin, sửa chữa sự cố của các Công ty trực thuộc Bưu điện, Viễn thông.*

c) *Xe tải phục vụ cho việc làm nhiệm vụ khắc phục sự cố thiên tai, dịch bệnh hoặc xe đi làm nhiệm vụ trong tình trạng khẩn cấp theo quy định của pháp luật.*

d) *Xe tải phục vụ cho việc bảo trì, sửa chữa sự cố, ứng cứu thiên tai lĩnh vực chiếu sáng công cộng, đèn tín hiệu giao thông, cầu, đường, cấp nước, thoát nước, cây xanh của các doanh nghiệp thực hiện công tác cung ứng sản phẩm dịch vụ công.*

e) *Xe tải vận chuyển máu, chế phẩm máu, ôxy và vắc-xin của doanh nghiệp vận tải có hợp đồng vận chuyển, cung cấp cho bệnh viện, trung tâm y tế, điểm tiêm chủng.*

g) *Xe tải vận chuyển dụng cụ, thiết bị của các cơ quan, đoàn thể, cá nhân phục vụ lễ hội, sự kiện tại thành phố theo chủ trương, kế hoạch của Ủy ban nhân dân thành phố.*

h) *Xe tải vận chuyển đạo cụ các đoàn múa Lân Sư Rồng phục vụ Tết Nguyên Đán hàng năm theo đề nghị bằng văn bản của Sở Văn hóa và Thể thao.*

i) *Xe tải chuyên dùng phục vụ vận chuyển tiền, vàng bạc đá quý của Ngân hàng nhà nước, Kho bạc nhà nước.*

k) *Xe tải chuyên dùng cứu hộ giao thông của doanh nghiệp có chức năng cứu hộ giao thông (tham gia xử lý cầu, kéo, chở xe ô tô bị sự cố, tai nạn giao thông).*

l) *Xe tải chuyên dùng vận chuyển nước sạch phục vụ nhu cầu đời sống của nhân dân.*

m) Xe tải nhẹ phục vụ vận chuyển phát hành thư, báo, bưu phẩm, bưu kiện của Bưu điện; Xe thư viện số lưu động.

n) Xe tải nhẹ vận chuyển dịch vụ thư của các doanh nghiệp được Sở Thông tin và Truyền thông hoặc Bộ Thông tin và Truyền thông cấp giấy phép cung ứng dịch vụ chuyển phát thư hoặc giấy phép bưu chính để vận chuyển dịch vụ thư.

o) Xe tải nhẹ (thùng kín, đông lạnh) vận chuyển một số loại thực phẩm tươi sống (thịt, cá, thủy hải sản), hoa tươi, con giống xuất nhập khẩu của doanh nghiệp có chức năng mua bán, chế biến thực phẩm tươi sống.

p) Xe tải nhẹ vận chuyển suất ăn công nghiệp, một số loại thực phẩm tươi sống (thịt, cá, thủy hải sản) của doanh nghiệp có chức năng vận chuyển suất ăn công nghiệp hoặc chế biến thực phẩm tươi sống phục vụ các trung tâm xã hội, trường học, bệnh viện, siêu thị.

q) Xe tải nhẹ vận chuyển một số loại thực phẩm (thịt, cá, thủy hải sản, trứng, rau, củ, quả tươi) của các doanh nghiệp tham gia chương trình Bình ổn thị trường theo Kế hoạch của Ủy ban nhân dân thành phố.

4. Phương tiện được xem xét thông qua phương án lưu thông tạm thời trong các khoảng thời gian từ 09 giờ đến 16 giờ và từ 20 giờ đến 22 giờ:

a) Xe tải nặng vận chuyển các loại vật tư, thiết bị phục vụ thi công một số hạng mục đặc thù thuộc các công trình trọng điểm của thành phố.

b) Xe tải nặng vận chuyển chất thải nguy hại (theo Quyết định số 85/2007/QĐ-UBND ngày 14 tháng 6 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố) theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường; xe thu gom, vận chuyển bùn hầm cầu, bùn nạo vét (theo Quyết định số 73/2007/QĐ-UBND ngày 10 tháng 5 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố).

c) Xe tải chuyên dùng vận chuyển xăng dầu phục vụ hoạt động hàng không.

d) Xe tải chuyên dùng vận chuyển rác thải sinh hoạt, rác thải y tế.”

4. Sửa đổi, bổ sung Khoản 1 và Khoản 2 Điều 13 của Quy định như sau:

**“Điều 13. Trách nhiệm của cơ quan có liên quan:**

1. Sở Giao thông vận tải triển khai thực hiện tổ chức việc lưu thông tạm thời cho một số đối tượng trong khu vực nội đô thành phố được quy định tại Khoản 3 Điều 2



*của Quyết định này; trong đó, quy định thời gian, lộ trình lưu thông đảm bảo công khai, minh bạch.*

*2. Công an thành phố, Thanh tra Sở Giao thông vận tải và Ủy ban nhân dân các quận - huyện theo chức năng và quyền hạn có trách nhiệm kiểm tra việc chấp hành lưu thông và xử lý các trường hợp vi phạm đối với các đối tượng được quy định tại Khoản 3 Điều 2 của Quyết định này theo quy định pháp luật.”*

### **Điều 3. Điều khoản thi hành**

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26 tháng 9 năm 2019.

2. Quyết định này bãi bỏ Điều 6, Điều 7, Điều 8 Chương II, Điều 9, Điều 10, Điều 11, Điều 12 Chương III và Phụ lục 2, Phụ lục 3, Phụ lục 4, Phụ lục 5, Phụ lục 6, Phụ lục 7 của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 19 tháng 7 năm 2018 của Ủy ban nhân dân thành phố.

3. Quyết định này thay thế Quyết định số 47/2018/QĐ-UBND ngày 06 tháng 12 năm 2018 của Ủy ban nhân dân thành phố về ngưng hiệu lực một phần đối với Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 19 tháng 7 năm 2018 của Ủy ban nhân dân thành phố.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Thường trực Ban An toàn giao thông thành phố, Giám đốc Sở Giao thông vận tải, Giám đốc Công an thành phố, Thủ trưởng các Sở - ban - ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Võ Văn Hoan**

## **PHẦN VĂN BẢN KHÁC**

### **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 32/NQ-HĐND

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 7 năm 2019*

#### **NGHỊ QUYẾT**

**Về nhiệm vụ kinh tế - văn hóa - xã hội 6 tháng cuối năm 2019**

#### **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH KHÓA IX, KỲ HỌP THỨ MƯỜI LĂM (Từ ngày 11 đến ngày 13 tháng 7 năm 2019)**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 40/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân thành phố về nhiệm vụ kinh tế - văn hóa - xã hội năm 2019;

Xét Tờ trình số 2759/TTr-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2019 của Ủy ban nhân dân thành phố; Báo cáo thẩm tra số 363/BC-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2019 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân thành phố và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố tại kỳ họp;

#### **QUYẾT NGHỊ:**

Hội đồng nhân dân thành phố tán thành báo cáo của Ủy ban nhân dân thành phố về tình hình thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội thành phố 6 tháng đầu năm 2019 và nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội thành phố 6 tháng cuối năm 2019.

Hội đồng nhân dân thành phố nhấn mạnh một số nội dung như sau:

#### **I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KINH TẾ - VĂN HÓA - XÃ HỘI 6**

**THÁNG ĐẦU NĂM 2019**

Ủy ban nhân dân thành phố đã có nhiều nỗ lực triển khai nhiệm vụ điều hành kinh tế - văn hóa - xã hội 6 tháng đầu năm 2019 với tinh thần đoàn kết, thống nhất; kịp thời lãnh đạo, chỉ đạo đối với các nhiệm vụ trọng tâm nhằm triển khai thực hiện đồng bộ chủ đề năm 2019: “Năm đột phá cải cách hành chính và thực hiện Nghị quyết số 54 của Quốc hội”; đề ra những giải pháp thiết thực, thúc đẩy phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội, đã đạt được nhiều kết quả tích cực trên một số lĩnh vực và giải quyết kịp thời những vấn đề phát sinh, cấp bách trong thực hiện nhiệm vụ chính trị của Thành phố. Kinh tế Thành phố tiếp tục tăng trưởng tích cực, tổng sản phẩm nội địa trên địa bàn (GRDP) ước đạt 611.525 tỷ đồng, tăng 7,86%, tương đương cùng kỳ. Hoạt động thu ngân sách có hiệu quả, đạt 48,43% dự toán, tăng 7,04% so cùng kỳ. Tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội ước đạt hơn 199,5 ngàn tỷ đồng, tăng 16,7% so cùng kỳ (cùng kỳ tăng 14,8%); 21.618 doanh nghiệp được cấp phép thành lập mới. Đầu tư trực tiếp của nước ngoài (FDI), Thành phố thu hút được 3,21 tỷ đô-la Mỹ (tăng 20% so cùng kỳ). Đề án xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh trở thành đô thị thông minh thực hiện đúng tiến độ; công tác quản lý quy hoạch đô thị được tăng cường, tiếp tục rà soát, đánh giá quá trình thực hiện các đồ án, quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/2000; tổ chức thi tuyển quốc tế “Ý tưởng quy hoạch phát triển khu đô thị sáng tạo tương tác cao phía Đông Thành phố Hồ Chí Minh (Quận 2, Quận 9, quận Thủ Đức)”,... Tích cực thực hiện cuộc vận động “Người dân không xả rác ra đường và kênh rạch, vì Thành phố sạch và giảm ngập nước”; đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động người dân cùng tham gia. Lĩnh vực văn hóa - xã hội được triển khai đảm bảo kế hoạch đề ra. Thành phố thực hiện tốt công tác giải quyết việc làm, đào tạo nghề, Chương trình giảm nghèo bền vững giai đoạn 2019 - 2020, Thực hiện tốt các chính sách với người có công và thân nhân, gia đình những người có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, nhất là trẻ em,... góp phần đảm bảo an sinh xã hội trên địa bàn. Hoạt động khám chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe Nhân dân được quan tâm. Hoạt động giáo dục và đào tạo, nhất là việc tổ chức các kỳ thi đảm bảo nghiêm túc, đúng quy định. Công tác đảm bảo an toàn thực phẩm được chú trọng. Hoạt động thanh tra, tiếp công dân, xử lý khiếu nại, tố cáo được thực hiện nghiêm. Tình hình an ninh, trật tự an toàn xã hội được đảm bảo. Các hoạt động đối ngoại tiếp tục được thực hiện chu đáo, trọng thị.

Tuy nhiên, tình hình kinh tế - văn hóa - xã hội của thành phố vẫn còn một số hạn chế, thách thức: Giá trị gia tăng ngành xây dựng giảm so cùng kỳ; Bốn ngành công nghiệp trọng yếu có mức tăng trưởng thấp hơn so với mức tăng trưởng chung toàn ngành; Các hình thức tổ chức sản xuất nông nghiệp chậm đổi mới; các quy hoạch của thành phố chậm được điều chỉnh để phù hợp với nhu cầu phát triển của thành phố,

công tác triển khai chậm, thiếu đồng bộ; đất đai dành cho phát triển dịch vụ và công nghiệp còn thiếu, hạ tầng phục vụ phát triển dịch vụ chưa đồng bộ là một nguyên nhân căn bản, hạn chế thu hút đầu tư trong nước và quốc tế; Hạ tầng giao thông chưa đáp ứng yêu cầu phát triển là một trong những điểm nghẽn khá quan trọng cho sự phát triển thành phố, vốn đầu tư các công trình giao thông trọng điểm chưa đáp ứng yêu cầu; chưa có quy hoạch nhà ở đáp ứng tình hình gia tăng dân số rất cao, bình quân 1 triệu người sau 5 năm; Chưa có quy hoạch hệ thống logistic. Công tác cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước giai đoạn 2018 - 2020 triển khai chậm. Quản lý xây dựng còn nhiều bất cập; nhiều công trình trọng điểm hiện đang gặp khó khăn về công tác đền bù giải phóng mặt bằng; tỷ lệ giải ngân các dự án đầu tư công của các sở ngành, quận huyện đạt thấp (chỉ đạt khoảng 20%). Công tác tuyên truyền, vận động và tổ chức thực hiện cuộc vận động “Người dân không xả rác ra đường và kênh rạch, vì thành phố sạch và giảm ngập nước” chưa thường xuyên và chưa thu hút được đông đảo nhân dân cùng tham gia; việc xử lý rác thải ra đường và kênh rạch, xử lý “điểm đen” về ô nhiễm môi trường chưa triệt để. Công tác dạy nghề cho lao động nông thôn chưa bảo đảm yêu cầu chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn. Nhiều biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn được triển khai quyết liệt nhưng dịch tả lợn Châu Phi vẫn xảy ra trên địa bàn. Tình hình tội phạm được kéo giảm nhưng còn tiềm ẩn nhiều nguy cơ phức tạp, nhất là tội phạm ma túy.

Việc thực hiện 07 Chương trình đột phá kết quả chưa cao, nhiều chỉ tiêu có nguy cơ không hoàn thành; chính sách xã hội hóa đầu tư, tạo vốn, thu hút vốn đầu tư trong và ngoài nước cho đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng chưa mạnh, chưa tạo được đột phá; công tác cải cách hành chính được đẩy mạnh và có những kết quả bước đầu nhưng chưa thật sự mang lại hiệu quả như mong muốn; các công trình giao thông liên kết vùng (đường Vành đai 2, Vành đai 3) triển khai chậm; các dự án cải tạo nhà ở ven kênh rạch, cải tạo chung cư cũ, xây dựng chung cư mới chưa thật sự chuyển động, cơ chế phân cấp còn chồng chéo; các dự án xử lý nước thải trong chương trình giảm ô nhiễm môi trường triển khai thực hiện chưa quyết liệt; Quản lý và phát triển đô thị còn nhiều bất cập, chưa đồng bộ, tình trạng xây dựng không phép, sai phép xảy ra khá nhiều tại một số quận ven và huyện ngoại thành; hạ tầng đô thị phát triển chưa đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội và cải thiện dân sinh.

## **II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM PHÁT TRIỂN KINH TẾ - VĂN HÓA - XÃ HỘI 6 THÁNG CUỐI NĂM 2019**

Hội đồng nhân dân thành phố cơ bản tán thành với những nhiệm vụ và giải pháp trọng tâm do Ủy ban nhân dân thành phố trình tại kỳ họp. Trong quá trình chỉ đạo điều hành thực hiện nhiệm vụ kinh tế - văn hóa - xã hội 6 tháng cuối năm 2019, Ủy ban

nhân dân thành phố cần tiếp tục tập trung chỉ đạo, điều hành những nội dung trọng tâm sau:

1. Tiếp tục thực hiện hiệu quả chủ đề năm 2019 “Năm đột phá thực hiện cải cách hành chính và Nghị quyết 54/2017/QH14 của Quốc hội”, triển khai thực hiện các Đề án được Hội đồng nhân dân thành phố thông qua. Tiếp tục thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra, đánh giá, theo dõi, giám sát các hoạt động liên quan đến công tác cải cách hành chính, kiểm soát thủ tục hành chính. Xử lý nghiêm những cá nhân, cơ quan, đơn vị tùy tiện quy định những thủ tục gây khó khăn, phiền hà cho doanh nghiệp, tổ chức và công dân. Đẩy nhanh tiến độ công tác khảo sát sự hài lòng của cá nhân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước làm cơ sở đề ra các giải pháp hoàn thiện. Tăng cường công tác kiểm soát thủ tục hành chính; kịp thời công bố, công khai thủ tục hành chính, trong đó công bố 40 thủ tục hành chính liên thông tại Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố. Thực hiện có hiệu quả cơ chế một cửa, một cửa liên thông, triển khai thực hiện liên thông thủ tục hành chính điện tử đối với lĩnh vực xây dựng, đất đai; đẩy mạnh triển khai cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4. Nâng cao trách nhiệm trong việc tiếp nhận, xử lý phản ánh kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính. Sơ kết việc thực hiện Đề án ủy quyền trên các lĩnh vực. Xây dựng Đề án về cơ chế tài chính cho thành phố Hồ Chí Minh theo tinh thần Nghị quyết số 54/2017/QH14 ngày 24 tháng 11 năm 2017 của Quốc hội; nghiên cứu cơ chế liên kết vùng kinh tế trọng điểm phía Nam theo Kết luận của Thủ tướng Chính phủ.

Triển khai đúng tiến độ kế hoạch sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh trong giai đoạn 2019 - 2021. Tập trung tiếp tục triển khai Kế hoạch thực hiện Đề án “Xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh thành Thành phố thông minh giai đoạn 2017 - 2020, tầm nhìn đến năm 2025”; tiếp tục triển khai đồng bộ thực hiện mô hình “Phòng họp không giấy” và “Ứng dụng giao việc tức thời và nhắc việc thông minh”. Tổ chức hội thảo “Định hướng quy hoạch Khu đô thị sáng tạo tại phía Đông thành phố”. Thống nhất việc ứng dụng công nghệ thông tin từ Thành phố đến phường - xã - thị trấn theo Kiến trúc chính quyền điện tử thành phố.

2. Tăng cường thực hiện các hoạt động xúc tiến thương mại và đầu tư, nâng cao hiệu quả thu hút đầu tư vào thành phố; hỗ trợ doanh nghiệp phát triển thị trường xuất khẩu. Chú trọng các dự án thuộc 7 chương trình đột phá, 4 ngành công nghiệp trọng yếu, 9 lĩnh vực dịch vụ ưu tiên của Thành phố, các dự án thuộc Đề án đô thị thông minh,...; chủ động gỡ gỡ, thu hút các nhà đầu tư lớn trên thế giới tiềm năng về tài chính, về công nghệ mới, có hàm lượng chất xám cao, thân thiện môi trường để kêu gọi đầu tư tại Thành phố.

**3.** Tăng cường chỉ đạo công tác cơ cấu lại, sắp xếp, đổi mới, cổ phần hóa và thoái vốn nhà nước tại doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn góp của nhà nước; chủ động triển khai xác định giá trị doanh nghiệp phục vụ cho công tác cổ phần hóa đảm bảo tiến độ yêu cầu đề ra. Sau khi được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận, khẩn trương triển khai Đề án thành lập cơ quan chuyên trách quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh.

Tăng cường công tác quản lý thu, đôn đốc thu, chống thất thu ngân sách nhà nước năm 2019; thường xuyên rà soát, đảm bảo công tác chi ngân sách có hiệu quả, trong đó, công tác chi cho đầu tư phát triển đảm bảo kế hoạch yêu cầu đề ra, tỷ lệ giải ngân các dự án đầu tư công của các quận - huyện phấn đấu ít nhất đạt 95%.

**4.** Tập trung rà soát, tháo gỡ các khó khăn vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ các dự án chậm triển khai, nhất là các công trình, dự án trọng điểm về hạ tầng, chỉnh trang đô thị, giảm ngập nước và giảm ùn tắc giao thông trên địa bàn. Tập trung chỉ đạo điều hành và xây dựng kế hoạch triển khai cụ thể, phân công trách nhiệm tập thể, cá nhân đối với danh mục các dự án trọng điểm đã được xác định cho giai đoạn 2016 - 2020, 2021 - 2025: đẩy nhanh tiến độ các công trình đã khởi công dự kiến hoàn thành trong năm 2020 và giai đoạn 2021 - 2025; hoàn tất thủ tục chuẩn bị đầu tư để đấu thầu đối với các dự án phải khởi công trong năm 2020, năm 2021 và giai đoạn 2021 - 2025; kịp thời phối hợp với các cơ quan liên quan giải quyết những khó khăn, vướng mắc đối với các dự án trọng điểm: Tuyến đường sắt đô thị số 1 (Bến Thành - Suối Tiên) và số 2 (Bến Thành - Tham Lương); Dự án chống ngập do triều có tính đến yếu tố biến đổi khí hậu (giai đoạn 1); Trung tâm chứng khoán thành phố; Đề án xử lý rác sinh hoạt bằng công nghệ đốt phát điện; Quảng trường Hồ Chí Minh tại Khu đô thị mới Thủ Thiêm.

**5.** Tiếp tục nghiên cứu lập mới quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội thành phố thời kỳ 2020 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Hoàn chỉnh các nội dung chuẩn bị tổ chức Hội thảo “Định hướng Quy hoạch và Phát triển cây xanh, công viên và chiếu sáng các quận nội thành giai đoạn 2019 - 2025” và “Giải pháp nhà ở cho gia tăng dân số 1 triệu người nhập cư sau mỗi 05 năm ở Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2020 - 2030”. Tiếp tục thực hiện thu hồi, đấu giá quyền sử dụng đất phục vụ cho nhu cầu đầu tư trên địa bàn thành phố. Tiến hành tổng rà soát đánh giá thực trạng xây dựng, quản lý đô thị trên toàn địa bàn thành phố; có giải pháp xử lý nghiêm đối với những trường hợp vi phạm về xây dựng, đánh giá trách nhiệm người đứng đầu địa phương, không để tái diễn tình trạng xây dựng không phép, sai phép ảnh hưởng trật tự xây dựng trên địa bàn; tổ chức hội nghị chuyên đề của Ủy ban nhân dân thành phố về hiệu lực, hiệu quả quản lý Nhà nước về trật tự xây dựng trên địa bàn thành phố trong tháng 7

năm 2019. Tiếp tục duy trì thực hiện tốt công tác thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn nguy hại, chất thải rắn y tế và chương trình phân loại rác tại nguồn; kêu gọi đầu tư xử lý chất thải rắn sinh hoạt bằng công nghệ đốt rác phát điện.

6. Tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 19-CT/TU ngày 19 tháng 10 năm 2018 của Ban Thường vụ Thành ủy về thực hiện Cuộc vận động “Người dân Thành phố Hồ Chí Minh không xả rác ra đường và kênh rạch, vì Thành phố sạch và giảm ngập nước”; xử lý dứt điểm các điểm đen ô nhiễm, xây dựng 369 điểm sinh hoạt cộng đồng xanh, sạch phục vụ nhu cầu của người dân; xây dựng các mô hình, cách làm hiệu quả trong tuyên truyền vận động người dân, doanh nghiệp, cơ quan, đơn vị thực hiện tốt Cuộc vận động; tăng cường kiểm tra, xử lý vi phạm hành chính về vệ sinh môi trường nơi công cộng; xây dựng hương ước, quy ước bảo vệ môi trường tại công đồng dân cư; vận động 100% hộ gia đình và chủ nguồn thải trên địa bàn quận, huyện ký hợp đồng thu gom, vận chuyển, xử lý rác.

7. Thực hiện các giải pháp đẩy mạnh ứng dụng khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo góp phần nâng cao năng suất, hiệu quả trong sản xuất và đời sống xã hội. Bảo đảm an sinh xã hội và phúc lợi xã hội, chăm lo đời sống nhân dân. Tập trung tổ chức tốt các hoạt động văn hóa, thể thao phục vụ các sự kiện, lễ hội lớn của Thành phố nhằm tuyên truyền giáo dục, nâng cao nhận thức chính trị, đáp ứng nhu cầu vui chơi, giải trí và hưởng thụ văn hóa ngày càng cao của người dân đồng thời góp phần gìn giữ và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của thành phố nói riêng và cả nước nói chung. Đẩy mạnh tổ chức và hướng dẫn việc tuyên truyền, giáo dục các giá trị đạo đức, lối sống trong gia đình, hoạt động tư vấn về gia đình, công tác phòng, chống bạo lực gia đình; tập trung các hoạt động xây dựng gia đình hạnh phúc trên địa bàn thành phố. Tổ chức tốt các hoạt động thể thao cộng đồng và thể thao thành tích cao. Triển khai thực hiện tốt công tác chuẩn bị năm học mới 2019 - 2020 và Chương trình giáo dục phổ thông mới. Tăng cường giám sát phát hiện các ca bệnh, ổ dịch Tay-chân-miệng và sởi trong trường học. Tiếp tục các hoạt động chăm lo cho gia đình chính sách.

8. Tiếp đón trọng thị và chu đáo các đoàn khách quốc tế, chú trọng các hoạt động hợp tác quốc tế và ký kết các bản ghi nhớ; chuẩn bị chu đáo để tổ chức thành công các sự kiện: Hội chợ Du lịch quốc tế (ITE) năm 2019 tại thành phố; Lễ hội Thành phố Hồ Chí Minh - Hội nhập và Phát triển 2019; Diễn đàn Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh năm 2019.

9. Tăng cường đảm bảo công tác quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội. Duy

trì nghiêm chế độ trực sẵn sàng chiến đấu; tổ chức lực lượng nắm chắc tình hình, phối hợp tham mưu xử lý đúng pháp luật, đúng nguyên tắc, khôn khéo, kịp thời các tình huống xảy ra, không để tạo ra các “điểm nóng, phức tạp” về an ninh chính trị - trật tự an toàn xã hội và các tình huống bất ngờ khác; đảm bảo an toàn tuyệt đối các ngày lễ, tết và sự kiện chính trị quan trọng; xây dựng phương án diễn tập phòng, chống biểu tình, gây rối, khủng bố, bạo loạn, thực hiện trong tháng 9 năm 2019. Xây dựng và triển khai đồng bộ các giải pháp phòng ngừa đấu tranh tội phạm, nhằm kéo giảm tỷ lệ phạm pháp hình sự, nâng cao tỷ lệ khám phá án, đảm bảo an ninh, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn.

10. Tiếp tục quan tâm thực hiện tốt công tác tiếp công dân, đối thoại trực tiếp với dân; tập trung giải quyết những phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của công dân; trong đó cần tập trung chỉ đạo, xử lý dứt điểm các vụ việc khiếu kiện, khiếu nại kéo dài, nhất là những vấn đề liên quan đến công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng trên địa bàn, đặc biệt là đối với Khu đô thị mới Thủ Thiêm và Khu công nghệ cao thành phố. Khẩn trương triển khai kế hoạch thực hiện Kết luận số 1037/KL-TTCT của Thanh tra Chính phủ về công tác quản lý Nhà nước và thực hiện pháp luật trong quy hoạch, quản lý xây dựng, đất đai tại Khu đô thị mới Thủ Thiêm.

### III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Hội đồng nhân dân thành phố giao Ủy ban nhân dân thành phố có kế hoạch triển khai, tập trung chỉ đạo, điều hành bảo đảm thực hiện thắng lợi Nghị quyết này.

Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố, các Ban, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố phối hợp giám sát, đôn đốc việc tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố, các tổ chức thành viên tăng cường giám sát; các cơ quan báo chí tuyên truyền, phổ biến động viên, các tầng lớp nhân dân tích cực thực hiện Nghị quyết; kịp thời phát hiện, phản ánh những vấn đề cần điều chỉnh bổ sung với các cơ quan có thẩm quyền.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh khóa IX, kỳ họp thứ mười lăm thông qua ngày 13 tháng 7 năm 2019./.

**CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Thị Lệ**



**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ****ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3858/QĐ-UBND

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 9 năm 2019***QUYẾT ĐỊNH****Về ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 12/NQ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ về tăng cường bảo đảm trật tự an toàn giao thông và chống ùn tắc giao thông giai đoạn 2019 - 2021 trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh****ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Nghị quyết số 12/NQ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ về tăng cường bảo đảm trật tự an toàn giao thông và chống ùn tắc giao thông giai đoạn 2019 - 2021;

Căn cứ Quyết định số 6204/QĐ-UBND ngày 28 tháng 11 năm 2016 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thành phố lần thứ X về Chương trình giảm ùn tắc giao thông, giảm tai nạn giao thông giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 4341/QĐ-UBND ngày 04 tháng 10 năm 2018 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành Kế hoạch tổ chức thực hiện Chương trình giảm ùn tắc giao thông, giảm tai nạn giao thông giai đoạn 2018-2020;

Xét đề nghị của Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 3797/TTr-SGTVT ngày 19 tháng 8 năm 2019 về Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 12/NQ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ về tăng cường bảo đảm trật tự an toàn giao thông và chống ùn tắc giao thông giai đoạn 2019 - 2021 trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh;

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 12/NQ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ về tăng cường bảo đảm trật tự an toàn giao thông và chống ùn tắc giao thông giai đoạn 2019 - 2021 trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

**Điều 2.** Thủ trưởng các các sở - ban - ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện, thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao và nội dung Kế hoạch này để xây dựng các chương trình, kế hoạch, đề án cụ thể, thiết thực nhằm triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 12/NQ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ về tăng cường bảo đảm trật tự an toàn giao thông và chống ùn tắc giao thông giai đoạn 2019 - 2021.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 94/QĐ-UBND ngày 10 tháng 01 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành Kế hoạch triển khai Nghị quyết số 16/2008/NQ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2008 của Chính phủ về từng bước khắc phục ùn tắc giao thông tại thành phố Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc các sở - ban - ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện và thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Võ Văn Hoan**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

## **KẾ HOẠCH**

**Thực hiện Nghị quyết số 12/NQ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ về tăng cường bảo đảm trật tự an toàn giao thông và chống ùn tắc giao thông giai đoạn 2019 - 2021 trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 3858/QĐ-UBND ngày 11 tháng 9 năm 2019 của Ủy ban nhân dân thành phố)*

### **A. MỤC TIÊU**

Kế hoạch này xác định các nhiệm vụ và công việc cụ thể mà các cấp chính quyền, các sở - ban - ngành thành phố cần tập trung thực hiện nhằm đảm bảo trật tự an toàn giao thông và chống ùn tắc giao thông, góp phần thúc đẩy kinh tế - xã hội thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh trong Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam phát triển nhanh và bền vững. Kết hợp chặt chẽ việc thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thành phố lần thứ X về Chương trình đột phá giảm ùn tắc giao thông, giảm tai nạn giao thông giai đoạn 2016 - 2020.

### **B. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM**

1. Hoàn thiện quy hoạch phát triển kết cấu hạ tầng giao thông đô thị, lồng ghép mục tiêu an toàn giao thông, giảm ùn tắc giao thông trong các đề án chiến lược, quy hoạch cấp thành phố.

2. Nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về trật tự an toàn giao thông; kiên trì xây dựng văn hóa giao thông an toàn và thân thiện môi trường cho mọi tầng lớp nhân dân.

3. Khai thác hiệu quả hệ thống hạ tầng giao thông hiện hữu, nâng cấp hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông, bảo đảm an toàn giao thông và kéo giảm ùn tắc giao thông; nâng cao hiệu quả công tác bảo vệ hành lang an toàn giao thông đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa.

4. Đẩy nhanh tiến độ và nâng cao chất lượng công tác đầu tư xây dựng các công

trình giao thông trên địa bàn thành phố.

5. Đẩy mạnh tái cơ cấu hệ thống dịch vụ vận tải, nâng cao năng lực, chất lượng và giảm giá để thu hút hành khách, hàng hóa sử dụng vận tải đường sắt, đường thủy nội địa, hàng hải, hàng không; đẩy nhanh tiến độ đầu tư, phát triển hệ thống vận tải công cộng trong đô thị, vùng tỉnh và liên tỉnh.

6. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, khai thác, điều hành giao thông vận tải.

7. Nâng cao chất lượng, hiệu quả quản lý nhà nước và thực thi pháp luật về giao thông vận tải, xây dựng, đất đai và du lịch có liên quan đến nhiệm vụ bảo đảm an toàn và chống ùn tắc giao thông, kiên quyết lập lại trật tự đô thị trên địa bàn thành phố.

### **C. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CỤ THỂ**

Trên cơ sở tiếp tục thực hiện các giải pháp, nhiệm vụ cụ thể đã phân công trong Quyết định số 6204/QĐ-UBND ngày 28 tháng 11 năm 2016 và Quyết định số 4341/QĐ-UBND ngày 04 tháng 10 năm 2018 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành Kế hoạch tổ chức thực hiện Chương trình giảm ùn tắc giao thông, giảm tai nạn giao thông giai đoạn 2018 - 2020, yêu cầu các Sở - ban - ngành, Ủy ban nhân dân các quận - huyện, các tổ chức chính trị - xã hội tập trung thực hiện các giải pháp cụ thể sau:

#### **I. Hoàn thiện hệ thống quy hoạch phát triển kết cấu hạ tầng giao thông đô thị**

Giao Sở Quy hoạch - Kiến trúc chủ trì, phối hợp với Sở Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân các quận - huyện, Ban Quản lý đường sắt đô thị và các Sở ngành liên quan thực hiện các nhiệm vụ sau:

1. Nghiên cứu, rà soát và tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức thực hiện điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thành phố đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 24/QĐ-TTg ngày 06 tháng 01 năm 2010.

2. Nghiên cứu, rà soát và tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố về Quy hoạch không gian xây dựng ngầm đô thị và Quy chế quản lý không gian xây dựng ngầm đô thị chung thành phố Hồ Chí Minh.

3. Tổ chức lập, phê duyệt các đồ án quy hoạch sử dụng các quỹ đất sau khi di dời các cơ quan trung ương, trường học, bệnh viện... khỏi khu vực nội thành, gắn với

bố trí quỹ đất và hạ tầng phục vụ các cơ sở mới trước khi phải di dời ra khỏi khu vực nội thành.

## **II. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền giáo dục, phổ biến quy định pháp luật về an toàn giao thông, chống ùn tắc giao thông**

Giao Thường trực Ban An toàn giao thông thành phố chủ trì, phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố, Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Văn hóa và Thể thao, Ủy ban nhân dân các quận - huyện, các tổ chức chính trị - xã hội và cơ quan thông tấn, báo chí thực hiện các nhiệm vụ sau:

1. Tiếp tục đổi mới công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật đi vào chiều sâu, đúng nội dung, đúng đối tượng, bằng nhiều hình thức phong phú, đa dạng, ngắn gọn, dễ hiểu, dễ nhớ, mang lại hiệu quả cao để mỗi người dân tự giác có ý thức chấp hành pháp luật về đảm bảo trật tự an toàn giao thông; phải được thực hiện đến từng công chức, viên chức, công nhân, nhân dân lao động, sinh viên, học sinh; đi sâu vào từng khu dân cư, hộ gia đình; thực hiện tốt công tác vận động quần chúng để người dân tích cực hỗ trợ trực tiếp tuyên truyền cho gia đình, người thân và cộng đồng dân cư.

2. Xây dựng chương trình, kế hoạch triển khai thực hiện có hiệu quả công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về trật tự an toàn giao thông, về nếp sống của người dân đô thị, trách nhiệm với cộng đồng, trách nhiệm với xã hội, tập trung xây dựng ý thức chấp hành pháp luật về trật tự an toàn giao thông và xây dựng ý thức giao tiếp, ứng xử văn minh nơi công cộng; kịp thời khen thưởng, biểu dương các cá nhân, đơn vị làm tốt, phê bình đối với những đơn vị làm chưa tốt, lên án các hành vi cố ý vi phạm, coi thường kỷ cương, pháp luật về trật tự an toàn giao thông.

3. Phát huy vai trò của các tổ chức chính trị xã hội, các loại hình văn hóa nghệ thuật dân tộc, các công cụ truyền thông hiện đại để tạo chuyển biến trong hành vi của người tham gia giao thông; tiếp tục duy trì, tăng số lượng chuyên trang, chuyên mục tuyên truyền sinh động về công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông trên tất cả các loại hình báo chí (báo in, báo hình, báo nói, báo mạng) đúng đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước; đa dạng hóa hình thức tuyên truyền để nâng cao ý thức chấp hành pháp luật giao thông, văn hóa giao thông nhằm huy động sự tham gia hưởng ứng của các tầng lớp nhân dân; biểu dương phát huy cách làm hay, thiết thực cũng như phê phán các biểu hiện thiếu trách nhiệm, cách làm hình thức, kém hiệu quả.

4. Tổ chức hội thi, hội thảo, tọa đàm, văn nghệ, tiểu phẩm, kịch ngắn, diễn đàn tư vấn, phiên tòa giả định,... gắn với nội dung tuyên truyền, giáo dục pháp luật về

công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông.

### **III. Khai thác hiệu quả kết cấu hạ tầng giao thông hiện hữu**

1. Giao Sở Giao thông vận tải chủ trì phối hợp với Công an thành phố, Thường trực Ban An toàn giao thông thành phố, Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân các quận - huyện thực hiện các nhiệm vụ sau:

a) Thường xuyên rà soát, điều chỉnh tổ chức giao thông tại các nút giao thông, các tuyến đường theo thẩm quyền; cấm, hạn chế hoạt động phương tiện cơ giới cá nhân để ưu tiên hoạt động của phương tiện cứu hộ và phương tiện giao thông công cộng khi cần thiết;

b) Tiến hành cải tạo kích thước hình học, mở rộng tầm nhìn đảm bảo an toàn giao thông tại các giao lộ, các đoạn cong nguy hiểm; di dời các công trình hạ tầng kỹ thuật trên các tiểu đảo ở các giao lộ để giải tỏa tiểu đảo, tạo sự thông thoáng, giao thông thuận lợi. Rà soát, sử dụng quỹ bảo trì đường bộ để thực hiện lắp đặt gờ giảm tốc và cấm biển cảnh báo nguy hiểm từ đường phụ ra đường chính, lối đi tự mở qua đường sắt.

c) Tăng cường công tác duy tu, bảo trì hệ thống cầu đường bộ, tín hiệu giao thông, đảm bảo đảm bảo giao thông thông suốt, an toàn và điều kiện hoạt động của các công trình.

d) Nghiên cứu điều chỉnh, đồng bộ bề rộng lòng đường, vỉa hè nhằm tối ưu hóa khả năng thông qua, tránh ùn tắc giao thông.

đ) Rà soát, đề xuất tổ chức hợp lý các khu vực gầm cầu trên địa bàn thành phố để sử dụng tạm thời làm bãi đỗ xe.

e) Xây dựng kế hoạch nâng cao năng lực phản ứng với sự cố giao thông, khả năng ứng phó với biến đổi khí hậu (mưa lớn, ngập lụt, triều cường và các hiện tượng biến đổi khí hậu khác) của hệ thống cầu hạ tầng giao thông; nghiên cứu các phương án tổ chức giao thông ứng phó tình trạng ứng ngập cục bộ.

2. Giao Ủy ban nhân dân các quận - huyện chủ trì phối hợp với Thường trực Ban An toàn giao thông thành phố, Sở Giao thông vận tải, Công an thành phố, các cơ quan quản lý đường sắt thực hiện các nhiệm vụ sau:

a) Vận động các đoàn thể chính trị - xã hội trên địa bàn tham gia tổ chức cảnh giới, bảo đảm an toàn giao thông tại điểm giao cắt đường bộ với đường sắt.

b) Phối hợp với Sở Giao thông vận tải xây dựng kế hoạch triển khai làm gờ giảm tốc và cấm biển cảnh báo nguy hiểm từ đường phụ ra đường chính, lối đi tự mở qua đường sắt theo hướng dẫn của Bộ Giao thông vận tải tại Quyết định số 1578/QĐ-BGTVT ngày 30 tháng 5 năm 2017 về ban hành Hướng dẫn tạm thời xây dựng gờ giảm tốc, gờ giảm tốc tại vị trí đường bộ giao cắt đồng mức với đường sắt.

c) Tăng cường các giải pháp bảo đảm trật tự giao thông đô thị, quản lý sử dụng vỉa hè đảm bảo quyền ưu tiên dành cho người đi bộ.

d) Sắp xếp hợp lý các hoạt động sử dụng tạm thời vỉa hè, lòng đường làm điểm trông giữ xe, hoặc kinh doanh, buôn bán... đảm bảo trật tự, an toàn giao thông và hạn chế làm ảnh hưởng đến đời sống của bộ phận người dân nghèo sống phụ thuộc kinh doanh, buôn bán nhỏ.

3. Ủy ban nhân dân các quận-huyện, các Sở-ban-ngành thành phố, các tổ chức chính trị - xã hội triển khai thực hiện nghiêm túc Chỉ thị số 22/CT-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban nhân dân thành phố về thực hiện công tác quản lý, sử dụng lòng lề đường, vỉa hè trên địa bàn thành phố.

#### **IV. Phát triển đồng bộ kết cấu hạ tầng giao thông**

1. Giao Sở Giao thông vận tải theo dõi, đôn đốc, phối hợp triển khai, đẩy nhanh tiến độ tập trung hoàn thành, khởi công các dự án công trình giao thông trọng điểm của thành phố: khép kín đường Vành đai 2, tuyến đường sắt đô thị số 1 và số 2, các công trình hạ tầng giao thông kết nối khu vực cảng hàng không Quốc tế Tân Sơn Nhất, cảng Cát Lái, cảng Hiệp Phước..., một số nút giao thông trọng điểm; các tuyến cửa ngõ thành phố. Đồng thời, tập trung tham mưu, đề xuất các cơ chế, chính sách để phát triển vận tải hành khách công cộng (đường bộ, đường thủy), hệ thống bến bãi; xây dựng phương án ứng vốn ngân sách thành phố cho Trung ương thực hiện dự án đầu tư xây dựng đường Vành đai 3 trên địa bàn thành phố. Đẩy nhanh tiến độ xây dựng các bãi đậu xe ngầm ở trung tâm thành phố. Chủ động rà soát tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố xem xét điều chỉnh, bổ sung các công trình giao thông trọng điểm ưu tiên đầu tư để sớm triển khai thực hiện phù hợp với quy hoạch.

2. Đối với việc đề xuất các công trình giao thông sử dụng vốn đầu tư công: Giao Sở Giao thông vận tải chủ trì phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư xây dựng các tiêu chí cụ thể (trên cơ sở quy hoạch, mô phỏng dự báo tình hình giao thông để xác định mức độ ưu tiên, kế hoạch đầu tư dự án) trước khi xem xét, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố.

3. Đối với các công trình tập trung đông người: Giao Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Sở Xây dựng phối hợp với Sở Giao thông vận tải chỉ xem xét phê duyệt quy hoạch, phê duyệt đầu tư các khu chung cư, nhà cao tầng, trung tâm thương mại khi phù hợp với quy hoạch, đáp ứng yêu cầu và quy định về bãi đỗ xe, hạ tầng giao thông và đảm bảo kết nối giao thông với các trục đường chính trong đô thị.

4. Giao Sở Kế hoạch và đầu tư, Sở Tài chính ưu tiên ngân sách để đẩy nhanh tiến độ triển khai thực hiện các dự án thuộc Chương trình Giảm ùn tắc giao thông, giảm tai nạn giao thông giai đoạn 2018 - 2020.

5. Giao Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng các công trình giao thông thành phố tập trung đẩy nhanh tiến độ triển khai thực hiện các công trình đã được phê duyệt chủ trương đầu tư.

## **V. Phát triển vận tải hành khách công cộng**

Giao Sở Giao thông vận tải chủ trì, phối hợp với các Sở-ban-ngành liên quan thực hiện các nhiệm vụ sau:

1. Xã hội hóa phát triển vận tải hành khách công cộng và các dịch vụ hỗ trợ vận tải:

a) Điều chỉnh Quyết định số 20/2014/QĐ-UBND ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành quy định tổ chức, quản lý, khai thác hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn thành phố.

b) Xây dựng Đề án đầu tư phương tiện mới đưa rước học sinh.

c) Xây dựng phương án và triển khai công tác đấu thầu cung ứng sản phẩm dịch vụ công ích lĩnh vực vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên một số tuyến xe buýt trợ giá.

d) Triển khai hoạt động các tuyến đưa rước học sinh theo cụm trường, thực hiện phương án đưa rước học sinh theo loại hình tuyến có trợ giá; Xây dựng chính sách miễn, giảm giá vé cho từng đối tượng và khu vực cụ thể.

2. Mở các tuyến buýt kế cận từ trung tâm đô thị kết nối với địa phương xung quanh như Bình Dương, Đồng Nai, Bà Rịa - Vũng Tàu...

3. Xây dựng đề án thí điểm đầu tư xe buýt có sức chứa phù hợp hoạt động trong khu vực hạn chế về hạ tầng giao thông và các khu dân cư nội bộ.

4. Nghiên cứu tổ chức lại mạng lưới tuyến xe buýt trên địa bàn thành phố và



chuẩn bị kế hoạch hành động để nâng cao hiệu quả và chất lượng dịch vụ của hệ thống hiện hữu.

5. Nghiên cứu tổ chức lại các tuyến xe khách liên tỉnh trong cự ly khoảng 100 - 120 km kết nối Thành phố Hồ Chí Minh với các tỉnh lân cận (Bình Dương, Đồng Nai, Tây Ninh, Bình Phước, Long An, Tiền Giang, Bà Rịa-Vũng Tàu, Bến Tre,...) và ngược lại theo mô hình quản lý tuyến xe buýt.

6. Trình phê duyệt Đề án tăng cường vận tải hành khách công cộng kết hợp kiểm soát sử dụng phương tiện cơ giới cá nhân tham gia giao thông trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh và triển khai thực hiện sau khi Đề án được phê duyệt.

7. Xây dựng kế hoạch, bố trí nguồn kinh phí để hỗ trợ phát triển phương tiện vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt sử dụng năng lượng điện và nhiên liệu khác thân thiện với môi trường:

a) Điều chỉnh Đề án đầu tư xe buýt giai đoạn 2014-2017 đến năm 2020.

b) Phối hợp với các đơn vị liên quan về phát triển vận hành hệ thống vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt điện.

8. Khuyến khích các bến xe xã hội hóa đầu tư (bến xe hiện hữu và các bến xe mới) nâng cấp xây dựng thành bến xe cao tầng, gắn với tổ hợp thương mại:

a) Xây dựng các cơ chế chính sách khuyến khích đầu tư và khai thác bến, bãi vận tải đường bộ theo quy hoạch trên địa bàn thành phố.

b) Công bố Quy hoạch hệ thống giao thông tỉnh và xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện.

9. Nghiên cứu đề xuất và triển khai dự án Tăng cường khả năng tiếp cận và tổ chức kết nối các tuyến xe buýt với nhà ga thuộc tuyến đường sắt đô thị số 1 (Bến Thành - Suối Tiên) và tuyến đường sắt đô thị số 2 (Bến Thành - Tham Lương).

## **VI. Tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ trong quản lý khai thác và điều hành giao thông vận tải**

1. Giao Sở Giao thông vận tải thực hiện các nhiệm vụ sau:

a) Khai thác hiệu quả Trung tâm giám sát giao thông (đã hoàn thành giai đoạn 1) và Cổng thông tin giao thông thành phố trong việc giám sát, quản lý điều hành giao thông và phát hiện các sự cố giao thông. Đồng thời cập nhật hoàn chỉnh cơ sở dữ liệu của ngành, kết nối toàn bộ hệ thống giám sát hành trình xe ô tô để phục vụ công tác quản lý

điều hành và tổ chức giao thông, xử lý vi phạm; cung cấp thông tin trực tuyến và hướng dẫn tham gia giao thông; kết hợp với công tác bảo vệ an ninh trật tự, phòng chống tội phạm.

b) Thường xuyên cập nhật tình hình giao thông thực tế trên các đường trục chính, khu vực trung tâm bằng phần mềm, thiết bị chuyên ngành; từ đó rà soát, mô phỏng để điều chỉnh và tổ chức lại giao thông ở các khu vực giao thông phức tạp; đồng thời sử dụng phần mềm mô phỏng để xem xét, đánh giá sự cần thiết trước khi quyết định đầu tư các công trình giao thông.

c) Có báo cáo đánh giá kết quả thực hiện Trung tâm giám sát giao thông (giai đoạn 1) và đề xuất mở rộng hệ thống trong thời gian tới, trong đó ưu tiên mở rộng trên phạm vi các quận, huyện có mật độ giao thông cao, dựa trên các tính toán phân tích lưu lượng phương tiện giao thông thực tế. Ngoài ra, cần xác định rõ đối tác chiến lược của ngành, thông qua đó mời các chuyên gia có kinh nghiệm quốc tế và trong nước trong lĩnh vực giao thông vận tải, kết hợp với Đề án Xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh trở thành đô thị thông minh giai đoạn 2017 - 2020, tầm nhìn đến năm 2025.

2. Giao Công an thành phố chủ trì, phối hợp với Sở Giao thông vận tải tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện thí điểm quy trình xử phạt người vi phạm giao thông trên cơ sở dữ liệu hình ảnh thông qua hệ thống camera hiện có. Sau thời gian thí điểm, sơ kết báo cáo các Bộ, ngành Trung ương để mở rộng triển khai trên toàn thành phố.

3. Giao Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với các sở, ngành và Ủy ban nhân dân các quận-huyện để trao đổi, chia sẻ thông tin giữa các đơn vị nhằm tăng cường công tác phối hợp trong công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông và tổ chức giao thông; đồng thời kết nối, tích hợp với hệ thống điều hành chung của thành phố.

## **VII. Nâng cao chất lượng, hiệu quả quản lý nhà nước và thực thi pháp luật về trật tự an toàn giao thông:**

1. Giao Thường trực Ban An toàn giao thông thành phố chủ trì phối hợp với Công an thành phố, Sở Giao thông vận tải thực hiện các nhiệm vụ sau:

a) Xây dựng Kế hoạch hàng năm về bảo đảm trật tự an toàn giao thông và chống ùn tắc giao thông trên địa bàn thành phố giai đoạn 2019 - 2021. Trong đó, xác định cụ thể mục tiêu về bảo đảm trật tự an toàn giao thông, chống ùn tắc giao thông và giảm ô nhiễm môi trường từ hoạt động giao thông vận tải; tập trung sử dụng nguồn kinh phí xử phạt vi phạm hành chính về trật tự an toàn giao thông cho nhiệm vụ bảo

đảm an toàn giao thông, chống ùn tắc giao thông.

b) Nghiên cứu các giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện quy định bắt buộc đội mũ bảo hiểm đối với người đi mô tô, xe gắn máy, xe đạp điện trên địa bàn thành phố.

c) Phối hợp với Ban Thi đua - Khen thưởng thành phố không xem xét các hình thức thi đua, khen thưởng đối với tập thể Ủy ban nhân dân cấp quận, huyện, phường, xã và Chủ tịch Ủy ban nhân dân - Trưởng ban An toàn giao thông cấp quận, huyện nếu để xảy ra tai nạn giao thông đặc biệt nghiêm trọng trên địa bàn mà nguyên nhân đã được chỉ đạo nhưng chưa khắc phục; gắn trách nhiệm và xử lý kỷ luật đối với người đứng đầu cấp quận, huyện, phường, xã nếu để phát sinh lối đi tự mở qua đường sắt hoặc đầu nối công trình vào đường bộ trái phép.

**2. Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư nghiên cứu, đề xuất cơ sở pháp lý để xem xét các cơ sở kinh doanh, dịch vụ, ... khi cấp phép kinh doanh phải đảm bảo điều kiện về giao thông, tránh gây ùn tắc giao thông.**

**3. Giao Công an thành phố thực hiện các nhiệm vụ sau:**

a) Chỉ đạo các lực lượng tăng cường tuần tra, kiểm soát, xử lý nghiêm các vi phạm quy định về trật tự an toàn giao thông, đặc biệt là các hành vi là nguyên nhân trực tiếp gây tai nạn giao thông và ùn tắc giao thông.

b) Phối hợp thực hiện công tác kiểm soát tải trọng phương tiện theo đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn.

**4. Giao Sở Giao thông vận tải thực hiện các nhiệm vụ sau:**

a) Tăng cường kiểm tra, siết chặt kỷ cương công tác đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe; quản lý an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với phương tiện cơ giới đường bộ, phương tiện thủy nội địa; an toàn trong hoạt động vận tải đường bộ; đường thủy nội địa.

b) Chỉ đạo Thanh tra Sở Giao thông vận tải tăng cường kiểm soát tải trọng phương tiện trên các tuyến đường bộ, tổ chức lực lượng ứng trực tại các Trạm kiểm tra tải trọng xe phù hợp và đáp ứng với tình hình thực tế, bảo đảm xử lý hiệu quả tình trạng xe quá tải tham gia giao thông trên địa bàn.

**5. Giao Sở Y tế chủ trì, phối hợp với Công an thành phố và các sở ngành liên quan thực hiện các nhiệm vụ sau:**

a) Ban hành quy định bắt buộc về kiểm tra nồng độ cồn, các chất kích thích thần

kinh trong máu đối với tất cả người bị tai nạn giao thông vào cấp cứu, khám chữa bệnh tại các cơ sở y tế và xây dựng cơ chế phối hợp cung cấp thông tin cho ngành Công an và các cơ quan tư pháp.

b) Nâng cao năng lực cấp cứu ngoài bệnh viện, xây dựng mạng lưới cấp cứu 115, hoàn chỉnh quy trình đảm bảo khả năng tiếp cận nạn nhân sớm nhất ngay khi nhận được thông tin yêu cầu cấp cứu.

6. Giao Ủy ban nhân dân các quận, huyện chỉ đạo các lực lượng xử lý triệt để tình trạng lấn chiếm vỉa hè, lòng đường gây cản trở người đi bộ và các phương tiện lưu thông.

#### **D. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**I.** Thủ trưởng các sở - ngành, các cơ quan trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện tổ chức quán triệt và xây dựng kế hoạch cụ thể phù hợp với tình hình thực tiễn và nhiệm vụ chính trị của từng địa phương, đơn vị để triển khai thực hiện có hiệu quả Kế hoạch này; đồng thời, chỉ đạo kiểm tra, giám sát, đôn đốc việc thực hiện, định kỳ hàng quý đánh giá kết quả thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp trong Kế hoạch này tại hội nghị giao ban về công tác đảm bảo trật tự an toàn giao thông; tháng 12 hàng năm tổ chức sơ kết tình hình thực hiện, báo cáo kết quả cho Ủy ban nhân dân thành phố.

**II.** Giao Thường trực Ban An toàn giao thông thành phố làm đầu mối; có nhiệm vụ tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố chỉ đạo thống nhất việc thực hiện Kế hoạch này, thường xuyên theo dõi, đôn đốc, kiểm tra và phối hợp tham mưu giải quyết những vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện; định kỳ 06 tháng có tổng hợp kết quả thực hiện, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố.

**III.** Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có vướng mắc cần thiết bổ sung, điều chỉnh Kế hoạch này, các sở - ngành, địa phương chủ động phối hợp với Thường trực Ban An toàn giao thông thành phố để tổng hợp, đề xuất Ủy ban nhân dân thành phố quyết định./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Võ Văn Hoan**

---

**VĂN PHÒNG UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Địa chỉ: 86 Lê Thánh Tôn, quận 1

Điện thoại: 38.233.686

Fax: (84.8) 38.233.694

Email: [tcb.ubnd@tphcm.gov.vn](mailto:tcb.ubnd@tphcm.gov.vn)

Website: [www.congbao.hochiminhcity.gov.vn](http://www.congbao.hochiminhcity.gov.vn)

In tại Xí nghiệp Bản đồ Đà Lạt - Bộ Quốc phòng